NĂM THỨ BA — SỐ 122 Thứ năm 25 Novembre 194

TRI TÂN

TẠP CHÍ VĂN HÓA

RA HÀNG TUẦN

Mục lục

* Một vấn-đề rất đáng chú-ý...(Hết) — *Hoa-Bằng*
* Trịnh Sâm — *Ứng-Hòe*
* Thanh-niên sau lũy tre (I) — *Minh-Tuyền*
* Đại Nam dật-sự (XV) — *Nguyễn-văn-Tố*
* Nam đàn bát châu thi thảo (VXIII) — *Tùng-Vân*
* Những ông nghè triều Lê (LXVIII) — *Ứng-Hòe*
* Vũ như Tô (Kịch lịch sử, II) — *Nguyễn-huy-Tưởng*
* Chức Thống chế triều Nguyễn... — *Tiên-Đàm*
* Thiên-Y-A-Na (Hết) — *Dương-Kỵ*
* Tùy hứng — *Bà Vân-Đài, Lam-Giang, Lãng-ngâm-Tử, Vân-Thạch, Đình-Phát*
* Cháy cung Chương-Võ (tiểu thuyết, X) — *Chu-Thiên*

Tòa báo: 95-97, Chanceaulme, Hanoi

Mỗi số **0$30** — Một năm **12$00** — 6 tháng **6$50** — 3 tháng **3$50**

Một vấn-đề rất đáng chú-ý

TRONG VĂN-HỌC VÀ SỬ-HỌC

I. — Diệu-Trang-vương phải chăng là một ông chúa Trịnh?
II. — Chúa Ba Diệu-Thiện phải chăng là một cô gái Việt-nam?
III. — Hương-sơn trong Quán-thế-âm chân-kinh phải chăng là núi Hương-tích ở hạt Hà-đông?

Số 2

HOA-BẰNG

Nhưng xem lại Quốc-sử đời Lê Trung-hưng (1533 — 1786), tôi chưa thấy một sử-thực (fait historique) nào phù-hợp với tình-tiết trong truyện *Bà Chúa Ba* ấy...

Cố tìm mấy trang tiểu-sử các chúa Trịnh, chỉ thấy Trịnh Giang (1729-1740) có mấy điểm này gọi là hơi giống trong truyện chút đỉnh:

1) Giang là người dâm bạo: phế Đế Duy-Phường (1729-1731) làm Hôn-đức công và giết đại-thần Nguyễn Hãng (Khâm định Việt sử quyển 37, tờ 24b-27b). Lại loạn-luân cả với vợ lẽ của cha Trịnh Cương, 1709-1729), Kỳ-viên-phi Đặng-thị (1). Rồi thái-phi Vũ-thị biết việc đó, bức-bách Đặng-thị phải tự-tử (theo *Vũ trung tùy bút lục*).

2) Giang, đối với Phật-giáo, có ý bài-xích. Ngày 29 tháng giêng, năm Long-đức thứ hai (1733) Trịnh Giang ra lệnh: phàm các tượng Phật đã được phép làm dữ bằng đá hay bằng gỗ, mỗi chiều cũng chỉ được dài ba thước ta, chứ không được làm quá kích thước ấy. Nếu dân không tuân thì quan sở-tại bắm lên quan trên: chẳng những không cho phép làm mà lại bắt phạt nữa. (Theo *Trịnh gia chính phả của Nhật-Nham*).

3) Giang có tật sợ sấm. Giang làm việc thí-nghịch, dâm dật vô độ, ngày càng xa-xỉ tiếm-thiết. Rồi mắc cái tật sợ sấm. Bọn hoạn-giả Hoàng-công-Phụ gạt gẫm Giang: đào đất làm cái Thuởng-trì cung (Có tên nữa là Tiên-cung, tức cái nền cũ của cung Thưởng-xuân triều Lý, ở xã Hoàng-mai, huyện Thanh-trì). (2) để ở, bèn không ra khỏi đó nữa. (Theo *Khâm định Việt sử*, quyển 38, tờ 15 a).

4) Khi Uy-vương (Trịnh Giang) mắc tật, mọi kẻ tiểu-nhân làm loạn triều chính, bốn phương giặc-cướp nổi lên như ong. Một người hoạn-quan bàn lập một Hoàng-tử, rồi vào núi dấy nghĩa binh để gây thành nghiệp lớn; nhưng Đỗ Thế-Giai và Hoàng Ngũ-Phúc không nghe, song để ý vào Trịnh Doanh là con thứ tư của mẹ Uy-vương, tức là em ruột Trịnh-Giang. Không bao lâu, Uy-vương nhường ngôi, Doanh lên làm chúa, ấy là Minh vương (1740-1767). (Theo *Tang thương ngẫu lục* quyển trên, tờ 20).

5) Uy-vương tên là *Giang*, gần âm với *Trang*.

***

Điểm thứ nhất giống Trang-vương nước Hương-lâm ở chỗ bạo nghịch: xâm-phạm tự-do tín-ngưỡng của người, hành-hạ con gái là chúa Ba Diệu-Thiện.

Điểm thứ hai giống Trang-vương ở chỗ bài Phật: đốt chùa Bạch-tước, thiêu sống 500 sư.

Điểm thứ ba giống Trang-vương ở chỗ mắc tật nhưng là bệnh phong.

Điểm thứ tư giống Trang-vương là truyền ngôi chúa cho một người không phải là con.

Điểm thứ năm giống ở chỗ tên gọi gần âm nhau.

Dẫu vậy, ta cũng không thể căn-cứ vào mấy điểm hơi giống ấy mà vội vũ đoán Trang-vương trong truyện *Bà Chúa Ba* là chúa Trịnh Giang được. Vì nhiều lẽ như dưới:

a) Trịnh Giang thọ 51 tuổi, có những 4 con giai (Trịnh Bồng, Trịnh Trù, Quận Cận và Trịnh Bồi). Như vậy rất khác với Trang-vương trong truyện *Bà Chúa Ba* chỉ có ba con gái.

b) Hương-sơn, không kể ở Tàu, ngay ở nước ta cũng có đến mấy trái núi ở mấy chỗ khác nhau mà cũng kêu là Hương-sơn, như Hương-sơn ở Hoan châu (Thanh-hóa), Hương-sơn ở phủ Quốc-oai tỉnh Sơn-tây và Hương sơn ở hạt Hà-đông. Còn Hương-sơn trong kinh

Phật thì ở về phía bắc Tuyết-sơn. Tuyết-sơn tức là Tu-di-sơn, nay là núi Hi-mã-lạp-nhã (Himalaya). Như vậy Hương-sơn trong truyện *Bà Chúa Ba* khó thể cho là Hương-sơn ở Hà-đông bên nước ta được.

c) Những việc như vua dốt chua, thiều sư, và xuất gia này khác đều là quốc-gia đại sự cả, sao không thấy Quốc-sử chép đến?

Vậy, dựa vào những lý-cớ trên, ta nay không thể cho bà chúa Ba và Trang-vương v. v. là nhân-vật ở nước ta được.

d) Bản *Chân-kinh* này là do chính tay đức Quán-thế-âm, Diệu-Thiện tiên-cô, công-chúa thứ ba nước Hưng-lâm, làm ra. Nguyên văn vốn là tiếng phạm, thì sự-tích tất nhiên là ở bên nước Ấn-độ, chứ không phải là sự-tích ở nước Nam ta. Khoảng năm bính-thân đời Minh Vĩnh-lạc (niên-hiệu vua Minh-Thành-tổ, 1403-1424), bản *Chân-kinh* ấy truyền sang nước Tàu. Đến năm bính-ngọ đời Thanh Khang-hi (niên-hiệu vua Thanh Thánh-tổ, 1662-1723), người Tàu là Quảng-Dã sơn-nhân dịch ra chữ nho. Chẳng hạn, chỗ Phật Nhiên-Đăng chỉ-điểm về đạo-lý cho chúa Ba, nguyên hán dịch có những câu như:

« ... *Chỉ ư chi thiện tại hà xứ?*

« *Tri chỉ định tĩnh khả đắc văn?*

« *Tu-hành bất minh giá tá lý,*

« *Chỉ khiết mê trai, uổng phí tâm...*

« *Bất quá bất khiêm lục súc trái,*

« *Nan miễn hồng-trần chuyển hồi luân!* »

Thống-chế Pétain đã nói:

« Bản chức muốn rằng ai nấy đều biết giữ địa vị riêng tìm cách sửa mình và tuân theo thượng lệnh. Sự cứu-vãn Quốc gia được hoàn-toàn cũng là nhờ ở cuộc hợp nhất của tất cả các người Pháp ».

止於至善在何處
知止定靜可得聞
修行不明這些理
只喫迷齋枉費心
不過不欠六畜債
難免紅塵轉回輪

(Đâu là tinh thiện của ta?
Cho hay định tĩnh ấy là đường ngay.
Chỉ chăm một việc ăn chay,
Chẳng qua lục súc khỏi nay luân hồi.
Phật đường kia dầu xa-xôi,
Hết mình nhơ-đục, ấy ngồi toà sen.)

— Bản dịch của cụ Kiều Oánh-Mậu

Sở dĩ tôi dẫn mấy câu nguyên dịch bằng hán-văn ra đây, là cốt tỏ rằng bản *Chân kinh* mà ta dịch làm truyện *Bà Chúa Ba* kia nguyên có từ phạm-văn, rồi chuyển sang hán-văn, chứ không phải sự tích ở chính bên ta, rồi mấy cụ nhà mình cứ theo sự thực mà sáng tác ra truyện ấy.

Như vậy truyện *Bà Chúa Ba* là ta dựa vào bản nguyên hán dịch của Quảng Dã sơn-nhân đời Thanh rồi làm cho an-nam-hoa, cũng như *truyện Kiều* của cụ Nguyễn Du là dựa theo bản tiểu-thuyết tàu của Thanh-Tâm tài-nhân mà điểm-xuyết các tình-tiết trong truyện cho hợp với tâm lý người Nam ta vậy.

Để giúp cho lý-lẽ trên được vững thêm, tôi xin trích dịch bài *Tựa* bằng chữ hán của cụ Giá-sơn Kiều-Oánh-Mậu để ở đầu cuốn *Hương sơn Quán-thế-âm chân kinh* mà cụ đã dịch và cho in hồi tháng 10 năm kỷ-dậu (novembre 1909) như kỳ trước đã nói:

«... *Xét ra: nước Hưng-lâm vẫn có địa-giới minh-bạch trong kinh, nay dẫu chưa rành để khảo chứng được, nhưng cứ như kinh điển nhà Phật đã dẫn thì đại-để các nước, Phật giáo hay bị đạo Bà-la-môn ngăn trở. Mà họ vua Trang vương thì là Bà-la. Thế thì Hưng-lâm là một trong các bang của Cổ Ấn độ, không còn phải ngờ nữa.*

«... *Trang vương lên núi hoàn nguyện... Việc quân vương thân đi, là một điển-lễ trọng thể của nước nhà, thế sao Việt sử của ta không có một lời nào nói tới? Vậy ra Nam sử không đủ tin cả sao? Dành rằng bất tất phải nhận hẳn Hương-sơn trong* Chân Kinh *là Hương sơn của nước Nam ta, nhưng, trong ý-tưởng, cũng nên coi Hương sơn của ta nghiễm-nhiên là Hương-sơn thật, nơi đức Quán-thế-âm đã tu luyện thành phật đây, có thể thôi.* » (*Tựa, tờ 3 b — 4 a*).

Như vậy cái thuyết cho Trang-Vương là một chúa Trịnh, ba Chúa Ba là người nước ta quyết không thể đứng vững được.

(Hết)

HOA BẰNG

---

1) Đặng thị, người làng Trà đồng (tục gọi làng Chè), huyện Tiên-du, Bắc ninh, hiệu là Kỳ-việu phi, ái-cơ của Trịnh-Cương.

2) Trong Tang thương ngẫu lục *chép là « Thưởng liên cung » (quyển dưới, tờ 35 b).*

TRỊNH-SÂM

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

NHÂN có quyển *Tĩnh-đô-vương và thời Lê-mạt* của ông Phan-Trần Chúc (xem *Tri tân*, số 121, trang 16), tôi theo sách chữ nho chép lại truyện Trịnh Sâm như sau này.

Trịnh Sâm là con trưởng Trịnh Doanh (1740-1767). Sinh mồng chín tháng hai năm kỷ-mùi 1739 (*Trịnh-gia thế-phả*, bản sao của Trường Bác-cổ, số A 1821, tờ 20a).

Tháng mười năm mậu-dần 1758, được phong làm tiết-chế thủy-bộ chư-quân thái-úy Tĩnh-quốc-công, mở phủ Lượng-quốc. Phàm trong nước có việc gì quan-hệ, Trịnh Doanh đều giao cho Trịnh Sâm định-đoạt.

Giảng-quan là Nguyễn-Hoãn làm mười bài châm (lời khuyên-ran) để tiến Trịnh Sâm; đầu đề mười bài ấy dịch nghĩa như sau: 1, chính lòng vua; 2, rộng học-vấn; 3, sửa việc nhà; 4, phòng-ngừa kẻ cận-tập; 5, chính-sự duy nhất; 6, cẩn-thận việc sai-phái cất nhắc; 7, rộng nghe và dung nạp; 8, giữ qui-mô đời trước; 9, hiệu lệnh phải nhất định; 10, xét việc nên khoan hay nên nghiêm. Trịnh Sâm đều nhận lời cả (*Khâm-định Việt sử*, quyển 42, tờ 4 b-5 a).

Năm đinh-hợi 1767 Trịnh Doanh mất, Trịnh Sâm nối ngôi, tự phong làm nguyên-soái tổng quốc-chính Tĩnh-đô-vương. Tháng 8 năm kỷ-sửu 1769 tự tiến phong làm đại-nguyên-soái tổng quốc-chính thượng-sư Tĩnh-vương (*Khâm-định Việt sử*, quyển 43, tờ 3 a và 25 b). Tháng 10 năm canh-dần 1770, tự cho mình là công-đức một ngày một nhiều, giả mệnh vua Lê Cảnh-hưng tự tiến phong tước đại-nguyên-soái tổng quốc-chính thượng-sư thượng-phụ duệ-đoán văn-công vũ-đức Tĩnh-vương (*Khâm-định Việt-sử*, quyển 43, tờ 30 a). Nếu gọi tắt, nên gọi là Tĩnh-vương, chứ không phải « Tĩnh-đô-vương », vì tước « Tĩnh-đô-vương » là tước mới phong, không phải là tước phong sau cùng.

Dẹp giặc ở động Mãnh-thiên. — Tháng 6 năm đinh-hợi 1767, giặc cỏ là Hoàng-văn-Chất chiếm giữ động Mãnh-thiên, ở phía bắc châu Ninh-biên, trấn Hưng-hóa (chữ động ở đây là chỗ Mường Mán ở *Khâm-định Việt-sử*, quyển 43, tờ 7 a). Tháng 10 Hoàng-văn-Chất đi cướp châu Mai, châu Mộc (Hưng-hóa), rồi chia đồ đảng đi cướp châu Quan-da (thuộc phủ Thọ-xuân), sách Cổ-lũng và sách Thiết-úng (thuộc huyện Cẩm-thủy, sách ở đây là làng của Mường Mán), động Ái-chử (thuộc châu Quan-da), động Bất-một (thuộc châu Lang-chánh) đều ở trấn Thanh-hoa. Lại mưu đánh úp huyện Phụng-hóa (thuộc phủ Thiên-quan, trấn Ninh-bình). Nhân giữ châu Lang-chánh để dòm-dỏ phủ An-tràng, họp quân được hơn một vạn. Hai Trấn đều báo tin về đón Trịnh Sâm. Trịnh Sâm sai thiếu-phó là Phường-nghĩa hầu Trịnh Phường đem quân bản-bộ đến Hưng-hóa, Điền-vũ-hầu Nguyễn-trọng-Điền đem quân bản-bộ đến Thanh-hoa, theo trấn-thủ Nguyễn-đình-diễn hợp quân tiến đánh. Hoàng-văn-Chất trốn về (*Khâm-định Việt-sử*, quyển 43, tờ 14 a) giữ động Mãnh-thiên. Nhân biên cướp bóc, chiếm đất mười châu (Chiêu-tấn, Quỳnh-nhai, Lai-châu, Ninh-biên bấy giờ đều thuộc Hưng-hóa, Quảng-lăng, Hoàng-nham thuộc Vân-nam, Hợp-phì, Lễ-tuyền, Tuy-phụ và Khiêm-châu chưa rõ chỗ nào).

Đến tháng giêng năm mậu-tý 1768, lưu-thủ Sơn-tây là Hoàng-phùng-Cơ xin Trịnh Sâm cho các đạo quân cùng họp để đánh dẹp. Trịnh Sâm y cho, mới sai trấn-thủ Hải-dương là Phạm-Ngô-Cầu làm chức hiệp-thống-lĩnh, Phan-lê-Phan làm chức tán-lý, Nguyễn-xuân-Huyên làm chức hiệp-đồng, cùng với hoạn-giả là Nguyễn-đình-Huấn làm chánh thống-lĩnh các đạo quân Thanh-hoa, Sơn-tây và Hưng-hóa, Tiến đánh Thanh-châu.

Nguyễn-đình-Huấn do-dự không chịu tiến, Trịnh Sâm phải cho Đoàn-Nguyễn-Thục thay làm chức chánh thống-lĩnh. Đến tháng giêng năm kỷ-sửu 1769 Đoàn-Nguyễn-Thục vào Thanh-châu, dẹp yên động Mãnh-thiên (*Khâm-định Việt sử* quyển 43, tờ 20 b-21 b).

Đánh được Lê-duy-Mật ở Trấn-ninh. — Lê-duy-Mật là con vua Lê-Dụ-Tông (1705-1729) giận nhà Lê mất quyền, Trịnh Giang thí-nghịch, khởi binh từ năm 1738 trong đời Trịnh Doanh, là em Trịnh-Giang, đánh mãi không nổi

Đến năm 1769 Trịnh-Sâm dẹp mới yên. Việc dùng binh trong đời Trịnh Sâm chép như dưới này:

Nguyên trước Lê-duy-Mật ra vào Sơn-tây, Thanh-hoa, rồi vào Trấn-ninh, ở thành Trình-quang, dần dần sinh tụ, gồm cả dân Lào ở châu Qui, châu Cao, châu Trà và châu Qui-hợp, thanh-thế càng ngày càng mạnh.

Khi Trịnh Sâm nối ngôi, sai tham-nghị Nghệ-an là Nguyễn-mậu-Dĩnh đem sắc đến dụ, không được, rồi về. Đến tháng chín năm kỷ-sửu 1769, Trịnh Sâm quyết kế dùng quân, đem việc ấy thân bảo sư-đồ và sai Bùi-thế-Đạt, thống-lĩnh Nghệ-an, Nguyễn-Phan, chánh đốc-lĩnh Thanh-hoa, Hoàng-đình-Thể, đốc-lĩnh Hưng-hóa, đem ba đạo binh-mã đi đánh Lê-duy-Mật (*Khâm-định Việt-sử*), quyển 43, tờ 26 a-b).

Tháng giêng năm Canh-dần 1770, Bùi-thế-Đạt và Nguyễn-Phan, đánh được Lê-duy-Mật ở núi Trình quang thuộc phủ Trấn-ninh bấy giờ. Lê-duy-Mật tự đốt cháy chết, thế là Trấn-ninh được yên.

Khi mới bàn việc dùng quân đi đánh, các quan trong ngoài đều cho là khó vì hiểm và xa; duy có một mình Trịnh Sâm tính là chắc được: mưu-cơ tướng-lược tự Trịnh Sâm bày ra; sau được toàn-thắng; vì thế Trịnh Sâm sinh ra ham việc binh và tự-kiêu (*Khâm-định Việt-sử*), quyển 43, tờ 28a-29 a).

Trịnh Lệ mưu giết Trịnh Sâm bị bỏ ngục. — Trịnh Lệ là em Trịnh Sâm, người minh-tuệ cơ trí. Khi Trịnh Doanh còn, Lệ thường có ý cướp ngôi của anh. Trước học Phạm-huy-Cơ. Huy-Cơ có tội bị giam cấm, đem lòng oán giận, ngầm sui Trịnh Lê làm việc phi pháp dựng đặt bè-đảng làm vây cánh, đem Dương-trọng-Khiêm và Nguyễn-huy-Bá làm gia-khách, cùng nhau mật-ước, định ngày 24 tháng 9 nhuận năm đinh-hợi 1767 khởi sự. Bọn Khiêm sợ việc không xong, bị vạ lây ngầm đến kể rõ tình-trạng cho nội-giám là Phạm-huy-Dĩnh cáo tỏ Trịnh Sâm, Sâm liền sai các quan họp lại để tra tấn. Huy-Cơ tự biết không thoát tự thú tội; bị ăn cắp em, còn Trịnh-Lệ thì bỏ ngục.

Nguyên Khiêm trước kia có tội bị bãi, đến đây Trịnh Sâm thưởng cho chức cũ, lại thăng hai trật; Huy-Bá thăng năm trật. Thiêm-đô ngự-sử là Đoàn-Nguyễn-Thục dâng tờ nói rằng: « Bọn Huy-Cơ ngầm mưu trái phép, may việc phát giác ra, để cho tội-nhân tự-thú, thực là phúc cho nước nhà. Nhưng Trọng-Khiêm bị bãi đã lâu, nếu biết đóng cửa tự hối, không giao-thông với tân-khách, thì cái mưu bất-thiện kia từ đâu sinh ra được? Huy-Cơ là người có tội mà lại giao thông. Trịnh Lệ đương lúc hiểm-nghi mà lại ra vào chu-toàn, tán-thành cái mưu của Huy-Cơ, gây cái ác cho Trịnh Lệ, rồi sau lại phát-giác, lấy làm công của mình, đem luật mà xét đến trong lòng, thiệp vào đồng ác. Vả như Huy-Bá vốn là bọn du-hiệp được dự nghe việc, mà phát-giác, được thưởng là phải, chứ như Trọng-Khiêm là người đã có tội, tham cái phú-quí trước mắt, lấy Trịnh Lệ làm món hàng lạ, lấy Huy-Cơ làm đồ đánh bạc, làm cho cái ác dây-dưa thêm ra; may được một chức quan, dụng tâm như thế cũng quá hiểm, đem công với lỗi thừa trừ với nhau không nên thưởng thêm hai trật. » Trịnh Sâm khen là phải, sai thu lại cái trật được thăng của Trọng-Khiêm, chỉ cho nguyên chức quân cũ, thưởng cho Nguyễn-Thục 30 lạng bạc (*Khâm-định Việt-sử*, quyển 43, tờ 9a-10b).

Phế Hoàng-thái-tử Lê-duy-Vĩ rồi giết đi. — Thái-tử lúc nhỏ là người thông-minh mẫn-tuệ, rộng xem kinh-sử, ưu lễ sĩ-phu, thần dân chẳng ai là chẳng trông vọng đến phong thái. Trịnh Doanh rất kính trọng, đem con gái lớn là Tiên-Dung quận-chúa gả cho. Nhưng thái tử thường tức giận rằng nhà Lê mất quyền, khẳng-khái có chí thu lại quyền-hành. Trịnh Sâm lớn lên làm thế-tử đối với thái-tử có chỗ ghen-ghét về tài, về địa-vị. Có một ngày thái tử và Trịnh Sâm cùng ăn cơm ở Trịnh-phủ, Doanh cho cùng ngồi. Vợ Doanh không cho ngồi cùng, bảo rằng: « Thế-tử đối với Thái tử có địa-vị vua tôi khác nhau, không nên cùng ngồi, ngồi riêng ra hai chiếu ». Sâm đổi sắc mặt, đi ra nói với người ta rằng: « Ta với thái-tử tất có một người chết, một người sống, quyết không đứng ngang nhau được ». Kịp đến khi Trịnh Sâm nối ngôi, ngầm cùng hoạn quan là Hoàng-ngũ-Phúc và Phạm-huy-Đĩnh bàn mưu bỏ thái-tử mà không có cớ, mới vu cho thái-tử là tư-thông với phủ-thiếp của Trịnh Doanh, làm thành tội-trạng tâu vua, bắt để bỏ ngục.

Trước khi ấy giếng Tam-sơn ở sau điện Long-thiên trong thành Thăng-long, tự nhiên có tiếng nổ lên như sấm, thái-tử sợ rằng chắc có tai-nạn, nói với vua Lê-Cảnh-

(*Xem tiếp trang 9*)

Trang thanh-niên

THANH-NIÊN SAU LŨY TRE

MINH-TUYỀN

MỚI đến thanh-niên, tìm-tòi, kể-lể lịch-sử thanh-niên ngoài sự chú-trọng đến những anh-hùng hào-kiệt, những văn-gia thi-sĩ, những tay giáp bảng thần-đồng, lại còn phải để mắt tới thanh-niên sau lũy tre, tựa như khi nghiên-cứu địa dư, không những phải chăm nhìn vào núi cao, sông rộng, rừng thẳm, hồ tọ, mà lại còn phải ngắm cảnh đồng bằng với chuôm, ngòi, ao, lạch ít vị nên thơ.

Giá-trị một quốc-thổ đâu có ở lắm núi sông hay dầm ruộng. Sức mạnh của thanh-niên là gồm hai sức của thanh-niên trí-thức và thanh-niên lao-động.

Trước và sau khi tiếp-xúc với người Âu, nước ta bao giờ cũng là một nước lấy canh-nông làm căn-bản. Nước yên vui là cũng cho khỏi là nguyên-nhân bởi kinh tế, mà tình-trạng kinh-tế nước ta đều hoàn toàn lệ-thuộc vào sức sản-xuất ở hai bàn tay của thôn-dân. Vậy thanh-niên sau lũy tre là một phần-tử quan-trọng nhất của thanh-niên nước nhà, bởi đa số và lực cần-lao của họ.

Song le, bên theo trạng-thái xã-hội và trình-độ kiến-thức của quốc-dân về khoa-học, về cục diện thế giới, những ý nghĩa chứa đựng trong danh-từ thanh-niên sau lũy tre » cũng mỗi thời một khác.

Xưa kia, đường giao-thông ít mở-mang, công-nghệ không biết đến máy-móc, giao-tiếp kinh-tế với các nước láng riềng chưa được phát-đạt, học-thuyết Khổng Mạnh thống-nhất địa-hạt văn-học, đạo-đức và chính-trị; cách sinh-hoạt ở thôn quê với kẻ trọ không khác nhau là mấy. Thanh-niên sau lũy tre có một thanh-thế rất rộng-rãi, rất tự-tại và nhiều phen đã lấn áp cả thanh-niên thành-thị.

Tự dân đã nhận được ở thanh-niên thôn dã những đại-biểu có địa-vị ở thượng-tầng xã-hội, có những công-nghiệp vĩ-liệt, huy-hoàng, lộng-lẫy quá đến nỗi người sau nhiều khi nhắc-nhở đến họ, chỉ nói đến thân-thế họ, dòng-dõi họ, mà quên phắt đi không nói đến cái tổ đào-tạo nên sức thanh-niên của họ: tổ đó là *lũy tre xanh*.

Thực thế, giữa lúc hán-học đương thịnh, lưu hành khắp trong nước, từ ngõ hẻm xóm sâu đến kim môn vương-phủ, những bạch ốc dưới bóng tre dìu hiu rủ-rỉ đã sản-xuất biết bao « công khanh ».

Ở một xứ trọng nông như xứ ta, thời xưa không hiếm gì những thanh-niên suốt đời không rời khỏi chân tre mà sau nổi tiếng là « phú gia địch quốc ».

Giữa lúc nhà cửa, y-phục với khí-cụ dùng tào mọi ngành sinh sống chỉ có tính cách mộc-mạc, đơn-giản, và chỉ cần đến một số ít thợ chuyên-môn mà phần đông lại thường vẫn coi việc làm ruộng là nghề chính của mình, lũy tre xanh đã rèn luyện được những công-nhân mà vua chúa phải trọng dụng.

Giữa lúc cuộc doanh thương chỉ luẩn-quẩn ở trong nước, chợ búa nơi tre xanh là « hải-cảng » của hạng người ngược xuôi bôn tẩu.

Vậy, nếu nói rằng trước khi âu-hóa, thanh-niên sau lũy tre là hầu hết thanh-niên toàn-quốc, thì cũng không lấy gì làm quá cho lắm. Nhời nói đó tỏ ra rằng: thủa xưa

ĐÃ CÓ BÁN:

Khảo-cứu về Tiếng Việt-Nam

của Trà-Ngân giá 2$50

Các bạn mỗi người đều nên có một cuốn **Khảo cứu về Tiếng Việt-Nam**, để các bạn nói cho đúng, viết cho đúng tiếng nước nhà. — Các bạn còn biết cách làm các lối thơ, phú, từ, khúc, và còn được thưởng-thức những áng văn kiệt-tác trong văn-học-giới Việt-Nam.

Công-chúa tóc vàng

Tức Hoa-Mai số 32

của Phan-Như giá 0$,20

THẢM-HIỂM GÒ KHỨC-RỒNG

Tức Hoa-Mai số 33

của Nguyễn-Phú-Đốc giá 0$20

Nhà xuất bản Cộng-Lực

N° 9, Rue Takou — Hanoi

những luồng tư-tưởng cấu-tạo nên tâm-hồn và chí-khí thanh-niên không phiền-toái và hỗn-tạp như ngày nay, và vì đấy tinh-thần quốc-gia của thanh-niên thời xưa rất vững-vàng hùng-hậu. Nó cũng không thể hàm một ý nào khả-dĩ làm giảm được giá-trị của lớp thanh-niên đó, tuy rằng mấy tiếng « sau lũy tre » khêu gợi trong ý-thức ta cái ý-niệm: sự ít đi du-lịch..., và những khái-niệm xoay quanh ý-niệm cột cái đó. Vì, chính những anh-hùng dựng cờ khởi-nghĩa, ra tay cứu-quốc, để lại cho con cháu muôn đời những gương lịch-sử sáng loáng, chói lọi về vũ-công hiển-bách, đều là những vĩ-nhân có tài điều-khiển sức nông-dân một cách thần thánh; nhưng nông dân mà 99 phần 100 là thanh niên sau lũy tre, chính họ đã phải có, ở trong họ, ở ngay họ, những điều kiện đáng kính phục khiến cho các vị thủ-lãnh của họ thành công; chính họ mới là phần-tử cốt-yếu của các công-cuộc [illegible] thắng đã làm vẻ-vang cho nòi giống.

***

Ngày nay, chèo lái chính-trị đã xoay chiều, nền móng văn-học đã khác xưa, kiến-trúc kinh-tế mỗi ngày một biến-cải, thanh-niên sau lũy tre của thời xưa đã lạ-rã, thanh-niên thành-thị đang bành-trướng.

Kể từ sau khi người Âu đã vượt qua Đại-tây-dương sang làm mưa làm gió bên Mỹ-châu, thế-lực Âu-châu chia làm hai: Âu và Mỹ. Hai sức mạnh đo gằng nhau, thì nhau trổ hết tài-năng noi theo hai ngả cũ mới — ngả Địa-trung-hải và ngả Thái-bình-dương — thúc mạnh vào hai châu Á-châu, nhà hai thanh-niên đang muốn dựng dứng một lão già-nua ốm-yếu, to xù-xụ.

Nước ta, vào thời-kỳ đó, tức là vào hồi giữa thế kỷ thứ 19, dù đã cố muốn giào kín thành-trì, khóa chặt cửa bể, cũng không sao cản nổi hai ngọn sóng Âu Mỹ, như hai con giao-long, một con từ phía bắc bể Đông xô tới, một con từ vịnh Tiêm-la ập lại. Ngọn sóng nào đến trước là luồng sức mạnh kéo lướt con thuyền Đại-Việt đi theo chiều của nó.

Như có thiên-mệnh định-đoạt, tình-cờ lịch-sử đã khiến văn-hóa ta gặp văn-minh Âu-tây. Thế là thanh-niên nước ta cũng cùng với thời-thế mà thay hình đổi dạng.

Dưới bóng thái-dương muôn thủa, lũy tre xanh vẫn lắc-lư, nghiêng-ngả trước gió, nhìn đám thanh-niên ngậm ngùi lặng-lẽ chia tay, kẻ ở lại bên chân, kẻ ra đi theo dõi bóng tán-trào. Tre xanh thản-nhiên như cảm thấy rằng: sự hiểu biết lẽ « thích-giả sinh-tồn » trong vũ trụ là cần-thiết, sự « lấy ấm làm nhà, lấy ngã làm giường » là thói thường trong thế gian.

Này ra đi, kẻ nho-sĩ đầm nát ngọn bút lông, mân-mê ngòi bút sắt, gạt bản sách thánh-hiền vào xó nhà và bù đầu đi lục-soát kho tàng tri thức mới.

Này ra đi, kẻ nông gia có tiền nghìn bạc vạn đã chán cảnh ngõ hẻm, rãnh sâu, ao tù, vườn cam, đang say mê cảnh sinh hoạt mới lạ chốn phồn hoa.

Này ra đi, kẻ bán buôn xuôi ngược đã từng thấy sự nhanh chóng của xe hỏa, tầu hơi, đa hấp mà vì môi lợi để kiếm thu nơi đô hội.

Này ra đi, kẻ khoa bảng, người vô-bổn, kẻ đeo cuả, người quây gánh đang nghe theo tiếng gọi của thị-thành được mở hội: nào lấp hồ bạt đồng, nào lập xưởng máy, xây cầu cống, nào dựng ống khói, đặt đường sắt...

Lớp này đi, lớp kia đi... Cũng có kẻ nhớ tre xanh mà về, rồi lại ra đi. Cũng có kẻ về, rồi ở lỳ không đi nữa. Cuộc vệ-dịch liên tiếp đó đưa đến sự tang thanh thế và sức quyến-dũ của thanh niên thành thị. Đám này sống với thời-thế nó và với đổi thay của thời-thế ấy, như cây được chăm bón trong bầu không-khí chính-trị ấm áp, trên miếng đất kinh-tế tươi tốt. « Cây thanh-niên » đó cứ lần theo ngày tháng mà nhớn mãi, to mãi, mà sinh ngành, trổ lộc, nảy nụ, khai hoa. Trong « vườn thanh-niên toàn quốc », nó cố sức kéo về nó, thu về nó, hút vào rễ, chuyển vào thân, những chất bổ-dưỡng dưới thớ đất, trong lớp sỏi, cho kỳ hết thành thử « cây thanh-niên sau lũy tre » cứ cần cỗi dần đi, với vàng lá, sầu cành, thưa hoa, ít quả.

(Còn nữa)

MINH-TUYỀN

Sách mới

TRIẾT-HỌC

DESCARTES

của Nguyễn-đình-Thi

Một học thuyết đã mở đường cho tư tưởng triết học và khoa-học cận đại.

Sách 300 trang, khổ rộng bìa mỹ-thuật.

Giá 4$50

NHÀ XUẤT BẢN TÂN-VIỆT
29, Lamblot — Hanoi

ĐẠI-NAM DẬT-SỰ

Số 15 *Ứng-hòe* NGUYỄN-VĂN-TỐ

X. — Nên có ngày kỷ-niệm vua Tiền-Lý

(bài nối)

Ông Henri Maspero chép truyện vua Tiền-Lý Nam-đế (Lý Bí hoặc Lý Bôn, 544-548) như thế này : « Bờ cõi nước Nam về đời Lý Bí hình như gồm tất cả địa-phận Bắc-kỳ và phía bắc Trung-kỳ đến tận Đức-châu, tức là Nghệ-an Hà-tĩnh bây giờ; phía nam giáp Chiêm-thành tức là nước Lâm-ấp mà Lý Bí sai người đánh năm 543 (*Tự trị thông giám*, quyển 158, tờ 6 a ; *Lương thư*, quyển 3, tờ 9 a Phía bắc thì người Thổ-trắng ở miền bắc Bắc-kỳ, người Lão (có âm nữa là Liêu, nhưng chỗ này phải đọc là Lão, vì tự-điển cắt nghĩa là man-di ở phía tây hoặc phía nam ; *Việt-sử tổng-vịnh* quyển 1, tờ 9 b, cũng chua là Lão, chứ không phải là Liêu) ở bờ sông Nhĩ-hà và sông Đằng-giang, người Ô-hứa ở vùng Lạng-sơn, đều phục theo Lý Bí (*Tư trị thông giám*, quyển 159, tờ 1 b ; *Trần thư*, quyển 1, tờ 1 b). Thế là cả Giao-châu về thế-kỷ thứ ba, sau khi đã chia đất châu Giao, đặt ra châu Quảng, tức là gồm tất cả những địa-hạt mà năm thế-kỷ về sau thoát bản nước Tàu, lập thành cái trung-tâm-điểm cho nước Nam về thời cận-đại. Nhưng mà Lý Bí không đủ thì-giờ để xếp-đặt những đất ấy. Các tướng Tàu sang nước Nam để đánh Lý Bí lúc đầu, vì do dự không dám tiến, nên Lý Bí được bốn năm yên-ổn. Đến giữa năm 545, chính-phủ Tàu cho sửa-soạn một đạo quân tinh-nhuệ sang chinh-phạt, thuộc quyền Dương-Siếu (hoặc Phiêu) và Trần-bá-Tiên. Hình như Trần-bá-Tiên được cái huân-danh thắng trận, tuy công việc khó-khăn mà các tướng thì ngã lòng. Bá-Tiên làm tiên-phong vào đất Bắc-kỳ, tiến quân một cách dũng-cảm, có lẽ đi ngược sông Thái-bình và đi dưới chân núi qua đất Đông-triều ; trong khi đi không gặp một sự chống-cự gì ở miền dưới trung-châu.

Lý Bí đem hai vạn quân chờ Bá-Tiên ở Chu-diên, về phía Hải-dương (đoạn này cũng dịch theo ông Henri Maspero ; còn *Khâm-định Việt-sử*, tiền biên, quyển 2, tờ 10 b, thì chua Chu-diên là phủ Vĩnh-tường, tỉnh Sơn-tây), có lẽ để giữ đường sông Thái-bình và làm cái rào chắn cho kinh-đô là thành Long-biên, gần Bắc ninh. Bị người Tàu đánh thua, Lý Bí mới vội vàng bỏ Long-biên, lui về phía tây và tìm chỗ ẩn ở phía sau sông Nhĩ-hà, có ý kìm những quân địch ở đấy. Lý Bí đóng đồn ở cửa sông Tô-lịch, gần thành Hà-nội bây giờ, ở một chỗ khá mạnh, vì phía đông có sông Nhĩ-hà, phía bắc có sông Tô-lịch làm ngăn-rào hộ-vệ. Lý Bí cho lấy gỗ đóng cọc để thuyền địch không vào được. (*Tư trị thông giám*, quyển 159, tờ 1 b và 2 a ; *Trần thư*, quyển 1, tờ 1 b). Bị Trần-bá-Tiên đánh thua lần thứ hai, phải lui về Gia-ninh, ở miền Bạch-hạc, đóng ở trong thành Gia-ninh, quân Tàu đến vây ở đấy cũng hơi lâu (từ tháng 7 tây năm 545 đến tháng hai tây năm 546) để cho Dương-Siếu và toàn-quân kịp đến giúp Bá-Tiên. Thành Gia-ninh bị hạ ngày 25 tháng 2 tây năm 546 ; nhưng Lý Bí trốn thoát vào ở Tân-hưng, gần phía tây-bắc thành Gia-ninh, chỗ rợ Lão (hoặc Liêu ; *Tư trị thông giám*, quyển 159, tờ 2 a ; *Lương thư*, quyển 3, tờ 10 a, dịch theo ông Maspero ; nhưng chính trong *Tư trị thông giám* chép rằng : năm thứ nhất hiệu Trung-đại-đồng, mùa xuân, tháng giêng, ngày quí-sửu, bọn Dương-Siếu hạ được thành Gia-ninh, Lý Bí chạy vào ở trong rợ Tân-xương, các quân đóng ở cửa sông). Ở đấy, Lý Bí thử lập lại binh-sĩ trong mùa xuân và mùa hạ năm 546 ; nhưng mà sau khi thử đánh lại, không ăn thua gì, Lý Bí thua bẩn, phải trở về ở với rợ Lão ; thế rồi những rợ Lão muốn yên ổn với Tàu, mới giết Lý Bí, nộp đầu cho Tàu (chỗ này hình như ông Henri Maspero nói cũng không đúng, vì *Tư trị thông giám*, quyển 159, tờ 7 b-10 a, chép vua Lý Bí vào ở trong rợ Tân-xương, đến tháng 9 năm 546 lại đem hai vạn quân ra đóng ở hồ Điền-triệt, làm thuyền-bè đầy ở mặt hồ, quân nhà Lương sợ, đóng ở cửa hồ không dám tiến, Bá-Tiên phải khuyên dụ, các tướng đều nín lặng. May đêm ấy (đây là giọng sử Tàu) nước lo rót vào trong hồ, Lý Bí mới bị thua, sau

Xem tiếp trang 17

Trịnh-Sâm

(*Tiếp theo trang 5*)

Hưng. Vua thường vì thái-tử cầu-đảo khắp nơi. Đến tháng ba năm kỷ-sửu 1769 thái-tử biết rằng tai-nạn đến nơi, vào ở trong tẩm-điện của vua. Huy-Đĩnh trước vào đông-cung, tìm khắp không thấy thái-tử, mới thẳng vào trong điện, kể tội-trạng thái-tử và tâu rằng : « Nghe thái-tử trốn ở trong tẩm-điện Bệ-hạ, xin Bệ-hạ bắt giao cho thần ». Vua ôm thái-tử, lâu không nỡ biệt. Huy-Đĩnh cứ quỳ dài ở dưới đế-đình, thái-tử tự biết rằng không tránh nổi, khóc lạy trước vua rồi đi ra, cho chói, đưa đến Trịnh-phủ. Huy-Đĩnh bảo thái-tử chụt mũ ra để chịu tội, thái-tử không chịu, nói rằng : « Phế, lập thì, nghịch là việc quen của nhà mày, chứ ta thì tội gì ? Đã có thanh-sử nghìn thu còn đấy ! » Trịnh Sâm giả mệnh vua bỏ thái-tử làm thứ-nhân, bắt giam vào ngục. (*Khâm-định Việt-sử*, quyển 43, tờ 23 a-24 b).

Thái-tử đã bị tù, Trịnh Sâm muốn giết mà chưa có cơ-hội. Đến tháng chạp năm tân-mão 1771, Hoàng-ngũ-Phúc và Phạm-huy-Đĩnh xui người vu-cáo bọn Trần-trọng-Lâm và Nguyễn-hữu-Kỳ cùng với bọn gia-khách của thái-tử là cống-sĩ Vũ-bá-Sưởng, tự-thừa là Lương Giản mưu khởi binh để cướp thái-tử ra khỏi ngục. Huy-Đĩnh đem việc tâu vua Lê, sai bắt để trị tội. Giản trốn được, Sưởng bị bắt, tra cẩn khai lây đến Nguyễn-Lệ là chức Điện-tiền kiểm-hiệu coi cấm-quân của thái-tử. Nguyễn-Lệ nói rằng : « Thái-tử là ngôi trừ-quân của nước ngôi vua để sẵn, không có tội mà tù nhục, nay bảo mưu cướp thái-tử ra (!) ấy là việc nghĩa Nhưng thực không biết. Nay bị khảo-đả mà bắt thú phục không phải là người dũng lấy không kìm có không phải là việc nghĩa. Vả lại việc này, nếu bảo Nguyễn-Lệ tự mưu, còn có lý hơn, vì thái-tử đã bị giam vợ con cũng không được ra vào, thì Lệ này làm thế nào được thấy thái-tử mà gọi là cùng mưu. Chỉ có chết mà thôi, không biết nói gì nữa ! » Tra đánh thân thể đã xây-xát mà lời khai không chịu đổi Huy-Đĩnh tự làm ngục-từ (lời cung khai trong ngục), tờ nghị tội đưa lên, Trịnh-Sâm sai Huy-đĩnh giết thái-tử bằng lối thắt-cổ, và giết cả bọn Nguyễn Lệ và Bá-Sưởng, liền sai thu tờ sách-mạng bà cố-hoàng-hậu họ Trần tức là sinh-mẫu của thái-tử, và các con thái-tử là Khiêm (tức là Chiêu-thống), Lựu và Kỳ đều bắt giam ở ngục Đề-lĩnh (*Khâm-định Việt-sử*, quyển 43, tờ 3 6b-37 b).

Đem quân vào Nam. — Năm 1774 Trịnh Sâm sai tướng võ là Hoàng-ngũ-Phúc làm thống-lĩnh đem các đạo quân vào Nam, xâm-lấn Thuận-hoá. Đô-thành của chúa Nguyễn bị hãm, chúa Duệ-tôn Nguyễn-Phúc-Thuần (1765-1775) phải chạy vào Quảng-nam (*Khâm-định Việt-sử*, quyển 44, tờ 10 a-b và 18 a-b).

Mở khoa thi. — Mùa đông năm kỷ-hợi 1779, Trịnh Sâm tự mở khoa thi hương thi hội, gọi là «hương hội thịnh khoa», lấy tháng 10 thi hương, tháng 11 thi hội. Theo lệ cũ, thi điện vua thân-hành ra đầu bài cho cống-sĩ ở sân rồng (long-trì), xong rồi cho gọi loa xướng tên và cho treo bảng vàng. Khoa này Trịnh Sâm sai những người đỗ hội cứ theo lệ cũ vào điện để thi, mà không đưa bài thi để vua duyệt. Ngày hôm sau lại bảo đến phủ chúa Trịnh để thi ra đầu bài ở phủ, rồi định trên dưới, cho Lê-huy Trâm và Phạm-Nguyễn-Du đỗ nhị giáp, bọn Phạm-quí-Thích 13 người đỗ tam giáp. Tâu xin sắc cho treo bảng vàng ở cửa nhà Thái-học. Từ khoa ấy về sau theo làm lệ thường (*Khâm định Việt-sử*, quyển 45, tờ 17 b).

(Còn nữa)

Ứng hòe NGUYỄN VĂN TÔ

Phòng thuốc
CHỮA PHỔI
chuyên môn về bệnh Phổi
15 hàng Bè (Radeau)
Hanoi — Tél. 1630
Giờ mở cửa :
Sáng từ 8 đến 12 giờ
Chiều từ 2 rưỡi đến 7 giờ
Chủ nhật nghỉ buổi chiều
Đặc biệt : *Thứ ba, thứ sáu xem mạch, cho đơn không lấy tiền.*
Ở xa mua thuốc gửi lĩnh hóa giao ngân. Và muốn hỏi bệnh gì, đính theo tem 0$06, sẽ được trả lời ngay.

Ai chưa biết chữ nho ?
Ai muốn học thêm chữ nho ?
nên mua quyển
CHỮ NHO — HỌC LẤY
Cử nhân DƯƠNG-BÁ-TRẠC
soạn
Giá 1$00 — cước thường 0$12 — đảm bảo 0$32
không gửi lĩnh hóa giao ngân — Để cho :
hiệu Đông Tây, 195, hàng Bông — HANOI
Các tiệm sách mua buôn có hoa hồng hậu

NAM-ĐÀN BÁT CHÂU THI-THẢO

Tác-giả : TÙNG-VÂN *đạo-nhân*

Nét mực phê trong truyện Kiều.

(Tất cả 42 bài, đều thơ soạn)

Lời phủ đầu

Truyện Kiều là một rừng xã-hội nhân vật, xã-hội tình trạng, xã-hội luân-lý, lại là một rừng thơ quốc-âm. Nay tác-giả chẳng tự-lượng thiển chuyết, soạn ra 42 bài, thuộc thể *Nam đàn bát châu*; tự đầu đến cuối, lần lượt đặt bút vịnh-ca. Đó là lối dùng thơ phê-phán cổ xã-hội, tức là nghĩa dùng thơ phê-phán trong một cuốn thơ. Tựu trung những chỗ đặt đầu bài, hoặc dùng thể « *Vịnh* » thể « *Đề* » hoặc dùng thể « *Thơ* » thể « *Phú-đắc* » thể « *Hoài-cổ* » đều có thể-tài rõ-rệt, bút pháp kinh-doanh. Tóm lại thì đều là những « nét mực phê » trong một truyện tuyệt-thế giai-nhân, ngõ hầu thiện-cổ sau này xem thơ mà biết ý, nghĩa của văn-chương tiền bối, tinh-thần của xã-hội Đông-phương, thú vị của con nhà thi học được vạn -nhất vậy (tiền-bối trở cụ Nguyễn Du).

Hiệu Bảo-đại năm Nhâm-ngọ, tiếp lập-xuân.

SOẠN-GIA *cẩn chí.*

XXXVI

Phú-đắc « Trăm năm trong cõi người ta »

(Phê Kiều I)

Ai sắc tài ? ai tình ma quỉ quái ?
Cõi người ta, dùng trải biết rằng thương.
Phù sinh một giấc mơ màng ;
Ngựa câu ngày tháng, tấn tuồng bể dâu.
Tồ bợm, túi tham, âu địa ngục ;
Nhà trung, cửa hiếu, ấy thiên đường.
Trời xanh nếu chẳng ghen tuông ;
Khách mà hồng, hả lưu phương trăm đời.

CHÚ-THÍCH

Dùng trải = dùng chân mà trải qua, Hát-nói cổ : « Trót dùng chân vào trần. »

Phù-sinh một giấc mơ-màng = cổ văn : « Phù-sinh nhược mộng, vi hoan kỷ hà ».

Ngựa câu ngày tháng = Cổ ngữ : « Nhân-sinh như bạch-câu quá khích », nghĩa là đời người như ngựa bạch-câu qua cửa sổ, nói cuộc trăm năm mau-chóng :

Lưu-phương = lưu truyền tiếng thơm. Tấn-sử « Lưu-phương bách-thế ».

Tập phê Kiều này, nên tham-khảo với truyện Kiều, vì điển-tích với từ-tảo phần nhiều dùng ở trong truyện Kiều, chứ ở đây không cần phải chú-thích cho phiền-phức lắm ; trong bốn mươi hai bài đều theo lệ ấy.

XXXVII

Phú-đắc: **« Vương-Quan là chữ, nối giòng Nho-gia ».**

(Phê Kiều 2)

Trước đèn hoa, cảo thơm lần giở ;
Chữ thấy đầu là chữ Vương-Quan.
Nhan ở ngõ, Đổng buông màn ;
Noi gương thanh bạch, giữ nền hiếu trung.
Một trai chót, bút nghiên công kế-thuật ;
Hai chị đầu, khuê-các mực phong-lưu.
Làm lành trời chẳng phụ đâu,
Chữ Vương-Quan thấy chói màu bảng xuân.

CHÚ-THÍCH

Nhan ở ngõ = Nhan-Hồi là người hiếu học bậc nhất trong cửa Khổng, nhà nghèo ở ngõ hẹp, Khổng phu-tử khen là hiền.

Đổng buông màn = Đổng-Trọng-Thư đời Hán dốc lòng sự nghiệp lớn, ba năm buông màn đọc sách, trứ danh là bậc đại-nho.

Chói màu bảng xuân = tức đỗ Tiến-sĩ ; ngày xưa thi hội, thi về mùa xuân, mà thuộc về lễ bộ chủ-trương. Đường-thi : « Mãn thành đào lý thuộc xuân-quan ».

XXXVIII

Phú-đắc **« Kiều càng sắc sảo mặn mà ; so bề tài sắc lại là phần hơn »**

(Phê Kiều 3)

Phẩm giai-nhân, Thúy-Vân, là tuyệt đại ;
Ai ngờ đâu Kiều lại hơn Vân.
Dư cốt-cách, bội tinh thần.
Mai hương đã thắng, tuyết phân cũng già.
Giá cầm-tú càng treo mà càng nhất ?
Nét thủy sơn càng ngắm thật càng xinh ?
So bề tài sắc đã đành,
So hiếu, so tình, lại thấy ai hơn ?

CHÚ-THÍCH

Tuyệt-đại = cũng như tuyệt thế, *đại* nghĩa là *đời*. Đường thi : « Tuyệt-đại hữu giai nhân, u cư tại không cốc. »

Phân cũng già = ý cân-nhắc nặng nhẹ để so hơn kém. Cổ thi : « Mai tu tốn tuyết tam phân bạch, tuyết diệc thâu mai nhất độ hương ».

TÙNG-VÂN

BIA VĂN-MIẾU

NHỮNG ÔNG NGHÈ TRIỀU LÊ

Số 68

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Khoa canh-tuất 1490, hiệu Hồng-đức thứ 21, lấy 32 ông đỗ đệ tam giáp đồng tiến-sĩ xuất-thân:

1. — **Lê đình Quát**, người xã Kim-hoạch, huyện Lương-giang (Thụy-nguyên), phủ Thiệu-hoá, trấn Thanh-hoa. Đỗ đồng tiến-sĩ năm 22 tuổi. Làm quan đến đô-ngự-sử (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Thanh-hoá, tờ 2 b).

2. — **Vũ-khắc-Nuỵ** (hoặc), người xã Vũ-la, huyện Thanh-lâm, phủ Nam-sách, trấn Hải-dương. Ứng chế hợp cách. Làm quan đến Hàn-lâm-viện thị-độc (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Hải-dương, tờ 59 b). *Đăng khoa lục* (quyển 1, tờ 38 b) chép làm quan đến Hàn-lâm-viện hiệu-thảo.

3. **Đinh-doãn-Minh**, người xã Hương-giản, huyện Đường-an, phủ Thượng-hồng, trấn Hải-dương. Làm quan đến phủ-doãn Phụng-thiên (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Hải-dương, tờ 13 b). (*Đăng khoa lục* (quyển 1, tờ 38 b) chép làm quan đến Quốc-tử-giám tư-nghiệp.

4. **Nguyễn-hoằng-Khoản**, người xã Kim-đôi, huyện Vũ-ninh (Võ-giàng), trấn Kinh-bắc. Đỗ đồng tiến-sĩ năm 20 tuổi. Là con Nguyễn-nhân-Dịch, đỗ tam giáp năm 1475, là anh Nguyễn-Huân, đỗ bảng-nhãn năm 1496 (*Đăng khoa lục*, quyển 4, tờ 39 a; *Đăng khoa bị khảo*, quyển Kinh-bắc, tờ 4 b).

5. — **Nguyễn-Sao**, người xã Phù-chẩn, huyện Đông-ngàn, trấn Kinh-bắc. Đỗ năm 26 tuổi: hội-thi bốn kỳ đều đệ nhất, ứng chế hợp cách. Mùa đông năm ất-mão (1495) đang làm chức giám-sát ngự-sử, sung chức phó-sứ sang nhà Minh tâu về việc dịch-lộ (đường chạy trạm). Đến khi về, có cái gối Tàu, không tiến vua mà tự dùng, có người nhà tâu, bị truất. Đến năm đinh-mão (1507) hiệu Đoan-khánh, khai phục làm Hải-dương thừa-tuyên-sứ, mất trong khi tại chức (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Kinh-bắc, tờ 29 a).

6. — **Nguyễn-hà-Thục**, người xã Xà-kiều, huyện Sơn-minh, phủ Ứng-thiên, trấn Sơn-nam. Đỗ năm 27 tuổi. (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Sơn-nam, tờ 57 a).

7. — **Đỗ-công-Cẩn** người xã Tiên-phong, huyện Tiên-phong, phủ Quảng-oai, trấn Sơn-tây. Đỗ năm 23 tuổi. Làm quan đến Đông-các đại-học-sĩ (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Sơn-tây, tờ 68 b).

8. — **Trần-Di**, người xã Cao-lâm, huyện Sơn-minh, phủ Ứng-thiên, trấn Sơn-nam. Đỗ năm 26 tuổi. Làm quan đến Công-bộ hữu-thị-lang (*Đăng khoa bị khảo* quyển Sơn-nam, tờ 57 a).

9. — **Thân-nhân-Tín**, người xã Yên-ninh, huyện Yên-dũng, trấn Kinh-bắc. Đỗ năm 52 tuổi. Làm quan đến Hàn lâm. Là con Thân-nhân-Trung, đỗ tam-giáp khoa 1469, anh ruột Thân nhân-Vũ, đỗ tam-giáp khoa 1481, sinh ra Thân-cảnh-Vân, đỗ thám-hoa năm 1487: con đỗ trước cha, ba đời cùng đỗ đại khoa, lại cùng làm quan một triều (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Kinh-bắc, tờ 73 a; *Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 39 a). Có tám bài thơ cận thể còn chép trong *Toàn-Việt thi lục* (quyển 14, tờ 31 a-32 b), dịch nghĩa đầu bài như thế này: 1, Tướng sĩ nhớ nhà; 2, Động Thúy-vân; 3, Người anh-tài; 4, Bài yết Sơn tang, 5, Nhớ nỗi buổi sớm sông Thiên-Vực; 6, Nhớ công nghiệp đức Thánh-tổ (Lê Lợi); 7, Lên điện Quang-đức cảm hứng thành thơ; 8, Ngự nhà Kiến-thụy. Tám bài đều hoạ vần thơ vua Lê Thánh tông.

10. — **Bùi-Phỉ**, người xã An-lão, huyện An-lão, phủ Kinh-môn, trấn Hải-dương. Làm quan đến Quốc-tử-giám tế-tửu (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Hải-dương, tờ 89 a). (*Đăng khoa lục* (quyển 1, tờ 39 a) chép là người làng An-đảo, huyện Yên-lạc.

11. — **Nguyễn-minh-Điền** người xã Tây-thiêm, huyện Từ liêm, phủ Quốc-oai, trấn Sơn-tây Đỗ năm 33 tuổi. Làm quan đến chức tự-khanh (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Sơn-tây, tờ 4 a).

12. — **Lưu-Dịch**, người xã Lý xuyên, huyện Kim-thành, phủ Kinh-môn, trấn Hải-dương. Đỗ năm 28 tuổi. Mới bổ Hàn-lâm-viện kiểm-thảo, được dự Tao-đàn nhị thập bát tú. Làm quan đến Hàn-lâm-viện thừa-chỉ (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Hải dương, tờ 91 a). *Đăng khoa lục* (quyển 1, tờ 39 b chép là người làng Nại-xuyên, làm quan đến Hàn-lâm-viện hiệu-thảo.

13. — **Phạm-đạo-Phú**, người xã Nguyễn-xá, huyện Đại an, phủ Nghĩa-hưng, trấn Sơn-nam. Năm 28 tuổi đỗ đồng-tiến-sĩ Năm ất mão (1495) đương chức Hàn-lâm

(*Xem tiếp trang 17*)

LÊ TƯƠNG-DỰC

Điệu nó ra chính-pháp. Gầm trời không thiếu gì người tài hơn nó. Trẫm sẽ gọi hết cả thợ trong nước về xây đài, kẻ nào trái ý, chém bêu đầu làm lệnh.

LÊ-AN

Tâu Hoàng-thượng, nhưng nghìn năm chưa dễ đã có một người như Vũ như Tô. Tội thì có to, tài thì ích dụng.

LÊ TƯƠNG-DỰC

Ngươi muốn dung hắn sao? Đầu ngươi cũng không vững hơn đầu nó (nghiến rang mặt lộ vẻ tàn ác gớm ghê), Hãy đi bắt chín họ nó về, bất kỳ già trẻ, đem ra chợ chém ngang lưng, bêu đầu ngoài bãi. Còn Vũ-như-Tô thì giam nó vào ngục tối, ngày đêm khảo đả, cho nó chịu muôn đường thống khổ, rồi đem làm tội lang-trì.

LÊ-AN

Thần sin lĩnh chỉ.

BỌN CUNG-NỮ

Nhưng còn cửu-trùng-đài?

LÊ-TƯƠNG DỰC mơ mộng

Cửu-trùng-đài! (dịu giọng bảo Lê An) Ngươi ra dẫn Vũ-như-Tô vào đây.

LÊ-AN

Phụng-mệnh.

Lê-An ra. Một tên nội-giám vào

Cảnh IV

VUA và CUNG-NỮ — nội - giám

NỘI-GIÁM quỳ tâu

Rước Hoàng - thượng ra coi triều. Có sứ-thần Trung-quốc.

LÊ TƯƠNG-DỰC dậm chân

Phiền nhiễu vô-cùng. Muốn yên không được (quay bảo cung nữ) *Cho các khanh lui gót. (Gọi to)* Đan Thiềm.

Cung-nữ và nội-giám ra

Cảnh V

VUA — ĐAN-THIỀM

ĐAN-THIỀM

Hoàng-thượng cho đòi thân-thiếp?

LÊ TƯƠNG-DỰC

Chốc nữa Vũ-như-Tô vào đây, mi dẫn một đội nữ-binh canh gác điện này, đợi trẫm về phát lạc.

ĐAN-THIỀM

Thần-thiếp xin lĩnh chỉ... (Tương-Dực ra) Muốn xây cửu-trùng đài mà coi thơ giỏi như rơm giác; hoa thơm nào còn đâm chồi nảy lộc trên xứ-sở này? Kẻ cũng thương hại cho Như-Tô, có tài nên mắc vạ. Mà Vũ đây kia chang.

Cảnh VI

ĐAN-THIỀM — VŨ-NHƯ-TÔ — LÍNH

Bọn lính áp giải Vũ-như-Tô vào. Chàng đeo gông, chân tay mang nặng xiềng-xích.

Một NGƯỜI LÍNH

Thưa bà, đây là Vũ-như-Tô.

ĐAN THIỀM

Được. Cho lui.

Bọn lính ra.

Cảnh VII

ĐAN-THIỀM — VŨ-NHƯ-TÔ

ĐAN-THIỀM

Trời xui khiến tôi gặp ông ở chốn này. Thực là duyên kỳ-ngộ...

VŨ-NHƯ-TÔ

Tôi là một kẻ quê mùa, không biết những nhời mỉa mai bỡn gió.

ĐAN-THIỀM

Đây là thực tình. Ông đừng nghi kỵ. Chính tôi đang muốn gặp ông để hỏi chuyện.

VŨ NHƯ-TÔ

Hỏi chuyện tôi! Để làm gì? Các người không thể nào hiểu được chuyện tôi, các người nông-nổi...

ĐAN-THIỀM

Ông mới gặp tôi lấy cớ gì mà bảo tôi nông-nổi.

Kịch lịch-sử

Vũ như Tô

NGUYỄN-HUY-TƯỞNG

VŨ-NHƯ-TÔ

Người đặt lạc thì đều nông nổi.

ĐAN-THIỀM

Sao ông bảo tôi là người đặt-lạc?

VŨ-NHƯ-TÔ

Cung nữ đều là tuồng đặt-lạc. Huống chi trông những quầng mắt thâm kia, tôi đoán chắc là người trong túy-hương mộng-cảnh.

ĐAN-THIỀM

Ông nhầm lắm. Thế mà thiên hạ đồn ông có mắt tinh đời. Hay là cảnh tị đào, xiềng xích nặng, đã khiến ông không phân biệt được thực hư? Đôi mắt thâm quầng này là do những lúc thức khi người ngủ, khóc khi người cười, thương khi người ghét.

VU-NHƯ-TÔ

Uả. Bà nói như một người đồng bệnh.

ĐAN-THIỀM

Chính là một người đồng bệnh, nên chưa biết ông, tôi đã ái ngại thay cho, Tài làm lụy ông, cũng như nhan sắc phụ người.

VŨ-NHƯ-TÔ

Tôi thực đắc tội với bà. Xin cho nghe chuyện.

ĐAN THIỀM

Ông có mỏi không? Rõ khổ? Tài bao nhiêu lụy bấy nhiêu! Gông nặng xiềng đau, trông ông tiều-tụy, càng khiến tôi thương số phận tôi.

Tôi bị tuyển vào cung từ năm 17 tuổi, giữa buổi phương niên, khi ấy tôi đã có người dạm hỏi. Tôi bị giam trong cung, ngày ngày bạn với cảnh già. Rồi từ đấy đến nay, ngót hai mươi năm, tôi chỉ đóng vai thị-nữ hầu hạ từ vua cho đến các phi-tần, nhiều kẻ kém cả tài lẫn sắc. Sắc ngày phai nhạt, biết cho họa chăng mấy gốc hoa ngoài vườn thượng uyển. Đời ấy với đời ông nó khác nhau mấy nỗi.

VŨ-NHƯ-TÔ

Tôi không ngờ lại được biết một đời cung-oán nhẫn tiền. Tiếc thay tôi không có bút-lực Vương-sương-Linh.

ĐAN-THIỀM

Cái đó không cần. Không có bút-lực Vương-sương Linh cũng được. Thân tôi không đáng kể đã đành nhưng còn ông?

VŨ-NHƯ-TÔ

Cũng là thân không đáng kể?

ĐAN-THIỀM

Sao lại không đáng kể. Hữu tài tất hữu dụng.

VŨ-NHƯ-TÔ

Cảnh ngộ chúng tôi có khác chi cảnh ngộ bà? Có phần khổ nhục hơn nữa. Nhiều tài nhiều lụy. Ở nước ta: nhà không cho làm cao, áo không cho mặc đẹp, ngói gạch cấm, lụa là cấm. Ai xây một kiểu nhà mới, khả quan, thì lập tức kết vào tội lộng hành đem chém Thành thử không ai dám vượt ra khuôn sáo nghìn xưa, nghề kiến-trúc đọng lại như một vũng ao tù... Người có tài không được thi-thố đành phải tiến về mặt tiểu xảo. Mà nói ngay đến những bọn này, nào họ có được yên thân? Họ phải lẩn lút, giấu-giếm. Vô-phúc mà triều-đình biết, thế là gia-đình tan nát. Họ bị đóng cũi giải kinh, xa bố mẹ, vợ con, anh em, thân giam trong nội như một tên trọng phạm, để làm những công việc nhà vua. Mãi đến khi mắt mờ, tay chậm, họ mới được thả hồi nguyên quán. Triều đình còn không ban cho họ một chút bổng nhỏ để mưu sống buổi tàn niên. Cách đối đãi như thế, thì nhân tài nhiều sao được, mà ai chịu luyện tập cho thành tài? Thậm chí người ta nói kẻ có tài đã không giúp cho gia đình, còn là mội cái vạ nữa.

ĐAN-THIỀM

Thảm nào mà nước ta không có lấy một lâu đài nào ra hồn khả dĩ sánh với những lâu đài Trung-quốc. Ngay cả Chiêm thành cũng hơn ta nhiều lắm...

VŨ-NHƯ-TÔ

Tôi bẩm sinh có khiếu về kiến-trúc. Tôi đã học văn, sau bỏ văn tập nghề. Nhưng tập thì tập, vẫn lo nơm-nớp, chỉ sợ Triều-đình biết, thì vợ con ở nhà nheo-nhóc, mà mình cũng không biết bao giờ được tháo cũi sổ lồng. Vua Hồng thuận ngày nay càng khinh rẻ chúng tôi, cách đối đãi lại bạc ác, Chẳng qua là cái nợ tài hoa, chứ thực ra theo nghề ở ta lợi chẳng có mà nhục thì nhiều.

ĐAN-THIỀM

Chính vì thế các ông càng đáng trọng.

VŨ-NHƯ-TÔ

Trọng để làm gì? Nếu tìm danh vọng chúng tôi đã chẳng chọn nghề này. Đời chúng tôi là đời những kẻ lẩn lút.

ĐAN THIỀM

Vậy thì các ông luyện nghề làm gì, luyện mà không đem ra thi thố?

VŨ-NHƯ-TÔ

Đó là một nỗi khổ tâm cho chúng tôi. Biết đa mang là khổ nhục mà kh ông sao bỏ được. Như bóng theo hình. Chúng tôi vẫn chờ dịp.

ĐAN-THIỀM

Dịp đấy chứ đâu? Cửu trùng đài...

VŨ-NHƯ-TÔ

Bà đừng nói nữa cho tôi thêm đau lòng. Ngày ngày tôi thấy các bạn thân bị bắt giải kinh, gia-đình tống tiễn như đám ma người chết.

Mong mành tin quan đến bắt, tôi đem mẹ già, vợ và hai đứa con nhỏ đi trốn. Được mội năm có kẻ phát-giác, quan địa phương đem lính tráng đến vây kín nơi tôi trọ. Tôi biết là tuyệt lộ, mặc cho họ gông cùm. (chàng rơm rớm nước mắt) Mẹ tôi chạy ra bị lính đẩy ngã, chết ngay bên chân tôi! Bọn thừa hành lộng quyền quá thể. Tôi khóc-lóc từ biệt xác mẹ già vợ dại con thơ. Rồi tôi bị giải lên tỉnh, từ tỉnh vào kinh ăn uống kham khổ, roi vọt như mưa trên mình, lắm khi tôi chết liệng đi. Vợ tôi ẵm đứa con nhỏ, dắt đứa con nhớn lẽo đẽo theo sau, khóc lóc nhếch nhác, tôi càng đau sót can tràng Cũng vì thế mà tôi thề là dành chết chứ không chịu đem thi thố tài năng.

(Còn nữa)

NGUYỄN-HUY-TƯƠNG

CHỨC THỐNG-CHẾ TRONG NGẠCH VÕ QUAN
và lược khảo về binh chế triều Nguyễn

TIÊN ĐÀM

HIỀU hôm 16 Novembre 1943, quan Thủy sư Đô-đốc Toàn-quyền Đông-dương đã thân đến biệt thự cụ Nguyễn-đình-Trọng, Thống-chế (1) trí sĩ, để gắn huy chương Bắc đẩu bội-tinh.

Về tiểu sử cụ Thống chế Nguyễn chúng tôi đã có lần nhắc đến (2) và các báo hằng ngày ở đây đã đăng cả.

Duy có một vài bạn đọc biên thư hỏi về hai chữ « Thống-chế » trong võ ban của ta, vậy sau đây chúng tôi nhân câu hỏi mà lược qua binh chế triều Nguyễn cùng quan chế và lương bổng của các quan võ khi trước đã định.

Nhà Nguyễn từ sau khi đức Cao-hoàng nhất thống Nam Bắc, nhân ngài trải qua một phen dụng võ, nên công việc của ngài là định binh chế cho có phương-pháp để phòng lúc nhà nước dùng đến.

Phép tuyển lính. — Theo thường lệ các triều trước, thì tam đinh thủ nhất (nghĩa là 3 người đinh lấy một người lính). Dưới triều Nguyễn, trong các tỉnh Trung Bắc thì thật đinh giản nhất binh (nghĩa là 7 người đinh chọn một người lính); ở Nam-kỳ: tam đinh giản nhất binh (3 người đinh chọn một người lính); ở phía Nam sứ Nam-kỳ dân ít hơn thì ngũ đinh giản nhất binh (5 người đinh chọn một người lính). Xem thế thì biết số lính ở Nam kỳ tuyển nhiều hơn cả.

Ngày trước, lính đều không được ăn lương. Mỗi người chỉ được lĩnh độ một vài quan tiền, ít gạo gọi là *nguyệt hướng*, hay mỗi người được ít ruộng làng gọi là *lương điền* (từ 1er Juillet 1897 lệ nhà nước Bảo hộ phần lương-điền mỗi người lính — lính tập, lính sứ thủy thủ, pháo thủ, lính lệ, lính trạm — không được quá 3 mẫu và 250 quan tiền một nam).

Binh chế. — Lính của ta hồi trước có:

Thân binh: lính hầu vua, chia ra: a) Thị vệ, b) Cẩm y thị vệ, c) Loan giá vệ, d) Vũ lâm;

Cấm binh: lính trong thành nội;

Tinh binh: lính ngoài, cũng gọi là *giản binh*. « giản » là « chọn ».

Những lính ấy hợp thành:
ngũ: mỗi ngũ 5 người
thập: mỗi thập 10 người
đội: mỗi đội 50 người
cơ hay vệ: mỗi cơ hay vệ 500 người.

Chữ *Vệ* thì dùng cho các lính tại kinh (từ Nam-kỳ đến Bình-thuận, Hà-tĩnh), chữ *Cơ* thì dùng cho lính các tỉnh.

Chỉ huy các ngũ, thập, đội, cơ, vệ thì có ngũ trưởng, thập trưởng, đội trưởng, chưởng cơ, chưởng vệ.

Lúc đầu triều Nguyễn, lính *Thân binh* (lính hầu nhà vua) phần nhiều là người Nam-kỳ, vì nhà Nguyễn làm chúa ở Nam-hà và đức Gia-long khi bôn-bá thường trú tất ở phương Nam, nên tin dùng người Nam hơn.

Nếu tính tất cả lính trong nước thì có: 130 vừa cơ vừa vệ cộng cả Thủy sư thì số lính có đến 250.000 người.

Nhưng đấy là chỉ kể số tại ngũ mà thôi. Nhà Nguyễn cũng vẫn theo phép các triều trước là *ngụ binh ư nông* (cho lính về làm ruộng) lúc bình thì luân phiên tựu ngũ, khi hữu sự mới gọi cả.

Quan chế. — Về võ ban cũng chia làm chín phẩm, từ nhất phẩm đến cửu phẩm, mỗi phẩm có hai bực *tòng* và *chánh*.

Dưới đây là bảng quan chế võ quan triều Nguyễn:

NHÀ GIỒNG RĂNG
Đỗ Ngọc-Giao
173 hàng Bông Lờ Hanoi
Mở lâu năm có tiếng là đứng đắn, và làm cẩn thận hơn hết — Công việc, làm nhanh chóng và có bảo đảm.

Võ quan cửu phẩm

Chánh nhất phẩm (1-1)

Trung quân đô thống
Tiền quân đô thống
Tả quân đô thống
Hữu quân đô thống
Hậu quân đô thống

Tòng nhất phẩm (1-2)

Thần cơ dinh đô thống
Tiền phong dinh đô thống
Long vũ dinh đô thống
Hổ uy dinh đô thống
Hùng duệ dinh đô thống
Thủy sư đề đốc

Chánh nhị phẩm (2-1)

Thần cơ dinh Thống chế
Tiền phong dinh Thống chế
Long vũ dinh Thống chế
Hổ uy dinh Thống chế
Hùng duệ dinh Thống chế
Vũ lâm tả hữu dực Thống chế
Thủy sư đề đốc

Tòng nhị phẩm (2-2)

Chưởng vệ
Đô úy (khinh kỵ đô úy)
Đô chỉ huy sứ
Đề đốc

Chánh tam phẩm (3-1)

Thị vệ (nhất đẳng thị vệ)
Vệ úy (loan giá, long thuyền)
Nghiêu kỵ vệ úy
Hộ lang vệ úy
Vũ lâm vệ úy
Vệ úy. lãnh binh

Tòng tam phẩm (3-2)

Vệ úy (tỉnh)
Thủy sư vệ úy
Phó vệ úy (kinh)
Phó lãnh binh

Chánh tứ phẩm (4-1)

Thị vệ (nhị đẳng thị vệ)
Phó vệ úy (tỉnh)
Giám đốc
Quản cơ — Chánh quản

Rách lành đùm bọc

Mùa đông tháng giá tới nơi! Trong khi mà những nhà giàu có đã thừa sự ấm-áp, thì biết bao người nghèo khó không quần không áo che thân, phải dãi dầu trước những cơn mưa phùn gió bấc!

Giúp cho kẻ khó manh quần tấm áo trong lúc sợi khan vải đắt này, tức là cứu một mạng người sống qua thì đói khổi thì loạn.

Hãy giúp sức cho ban Cứu-tế mùa đông có đủ 10 vạn đồng để tiến-hành công cuộc đó.

Thư từ và ngân-phiếu xin gửi cho ông Hoàng-Hữu-Huy Ủy-viên thường-trực ban Cứu-Tế mùa đông, số 125 Boulevard Henri d'Orléans Hanoi.

Tòng tứ phẩm (4-2)

Thủ úy
Phó giám đốc
Kỵ đô úy
Phó quản cơ

Chánh ngũ phẩm (5-1)

Tam đẳng thị vệ
Cai đội
Hiệu úy
Thủ úy, tân thủ úy

Tòng ngũ phẩm (5-2)

Tứ đẳng thị vệ
Cai đội
Pháo thủ cai đội, Thủy sư cai đội
Suất đội (chánh đội trưởng suất đội (kinh)
Phó kỵ úy, Tân thủ

Chánh lục phẩm (6-1)

Ngũ đẳng thị vệ, cai đội
Suất đội « Chánh đội trưởng suất đội (tỉnh) »
Suất đội (Pháo thủ chánh đội trưởng xuất đội)
Suất đội (Tuần Thành chánh đội trưởng xuất đội)

Tòng lục phẩm (6-2)

Ân kỵ úy, suất đội
Chánh đội trưởng

Chánh thất (7-1)

Chính đội trưởng, đội trưởng (kinh)
Pháo thủ chính đội trưởng (tỉnh)
Chính tư tượng, Thiên hộ

Tòng thất phẩm (7-2)

Phụng ân úy,
Đội trưởng
Dịch thừa (Dịch trạm dịch thừa)

Chánh bát (8-1)

Đội trưởng, thứ đội trưởng (kinh)
Lạc trưởng, Ca Trưởng mục
Dịch mục, Bá hộ

Tòng bát (8-2)

Thừa ân úy
Đội trưởng
Bá hộ

Chánh cửu (9-1)

Tượng mục, Lệ mục
Bá hộ

Tòng cửu (9-2)

Lệ mục (đội huyện)
Bá hộ, Hộ trưởng, kim hộ
Trưởng, Thơ lại, ngũ trưởng (bếp)

Lương bổng. — Cũng như các văn quan, các võ quan cũng có lương bổng, tất cả có bốn khoản: Tiền, gạo, tiền xuân phục và tiền tuất. Chúng tôi xin trưng ra sau đây bảng liệt kê cho dễ khảo:

PHẨM	TIỀN	MỄ	TIỀN XUÂN PHỤC	TIỀN TUẤT
Chánh nhất	400 quan	300 phương	70 quan	400 quan
Tòng —	300 —	250 —	60 —	300 —
Chánh nhị	250 —	200 —	50 —	200 —
Tòng —	180 —	150 —	30 —	100 —
Chánh tam	150 —	120 —	20 —	70 —
Tòng —	120 —	90 —	16 —	40 —
Chánh tứ	80 —	60 —	14 —	30 —
Tòng —	60 —	50 —	10 —	28 —
Chánh ngũ	40 —	35 —	9 —	25 —
Tòng —	35 —	30 —	8 —	23 —
Chánh lục	30 —	25 —	7 —	20 —
Tòng —	25 —	22 —	6 —	18 —
Chánh thất	22 —	20 —	5 —	15 —
Tòng —	22 —	20 —	5 —	13 —
Chánh bát	20 —	18 —	4 —	10 —
Tòng —	20 —	18 —	4 —	8 —
Chánh cửu	18 —	16 —	4 —	5 —
Tòng —	18 —	16 —	4 —	5 —
Vị nhập lưu	12 —	12 —	3 —	3 —

Xem như bảng trên này thì lương của các quan võ đời trước không được là bao, gia chi dĩ các vua nhà Nguyễn rất nghiêm, việc hối lộ sẽ bị trọng tội, nên dù văn hay võ, ta thấy có nhiều tấm gương thanh-liêm rất đáng trọng: Cụ Phan-thanh Giản mất trong một gian nhà tranh; Cụ Nguyễn-tri-Phương làm đến Tổng-thống quân vụ mà cũng chỉ có một nếp nhà tranh ở Thừa-thiên. Còn nhiều gương như thế kể sao cho xiết.

Phẩm phục. — Những khi triều hạ, các võ quan cũng như văn quan, đều có phẩm phục ngoài các y phục đi trận (như áo chiến, áo giáp). Phẩm phục ấy màu sắc và thêu khác nhau. Phẩm phục của võ ban khác văn quan ở những đường thêu, theo lệ thì *văn cầm* (áo quan văn thêu loài chim) *võ thú* (áo quan võ thêu loài thú).

nhất phẩm : Bồ-tử (miếng vuông ở trước ngực và sau lưng) thêu kỳ-lân
nhị phẩm : thêu Bạch trạch (?)
tam phẩm : — sư-tử
tứ phẩm : — hổ
ngũ phẩm : — báo
lục phẩm : — hùng (gấu)
thất phẩm : — bưu (?)
bát phẩm : — hải mã
cửu phẩm : — Tê ngưu

Áo giáp và áo chiến cũng thêu như trên, tùy theo phẩm trật. (3)

TIÊN-ĐÀM

(1) Chữ Maréchal của Pháp-văn dịch ra tiếng ta là Thống-chế chưa hết nghĩa; trong quân-gia Pháp chức Maréchal có nghĩa là Tổng-thống quân-vụ là một chức cao tột bậc, gần đây một bạn đồng nghiệp trong Nam đã dịch là Thượng-tướng nghĩa cũng tạm được.

(2) Xin coi lại: Các khoa thi võ năm Mậu-Dần đã đăng ở Tri-Tân số 2 ngày 10-6-41 và Khoa võ hội thi năm Canh Thìn đã đăng ở Tri-Tân số 6 ngày 8-7-41 của Tiên-Đàm.

(3) Trích tài-liệu ở quyển « Binh-chế Việt nam » đang soạn.

Đã có bán:

CÔ THÚY

Giải thưởng văn-chương Tự-Lực Văn-Đoàn năm 1935 của Ng.-khắc-Mẫn Giá 3$20

HỒN QUÊ

của Ng.-khắc-Mẫn Giá 4$50

Sách in lần thứ nhất dày hơn 400 trang — Bìa bằng giấy Vóc Phượng-Hoàng do họa-sĩ Bình trình bày.

Bà Chúa rừng mai trắng

Truyện Giải Trí của Việt-Tính Giá 1$30

Nhà xuất-bản **SÁNG**

46 Quai Clémenceau, Hanoi

Bia văn miếu...

(Tiếp theo trang 11)

kiểm-thảo, được dự Tao-đàn nhị thập bát tú. Làm quan đến Hình-bộ tả-thị lang (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Sơn-nam, tờ 98 a).

14. — **Phạm-Trinh**, người xã Mai-xá, huyện Phụ-phượng, phủ Thái-bình, trấn Sơn-nam. Làm quan đến thiêm-đô ngự-sử (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Sơn-nam, tờ 4 a, chép là huyện Phụ-dực).

15. — **Nguyễn-Tráng**, người xã Thượng Thanh-oai, huyện Thanh-oai, phủ Ứng-thiên, trấn Sơn-nam. Mùa xuân năm quí-dậu (1513) hiệu Hồng-thuận, đương làm Lễ-bộ hữu-thị-lang, sung chức chánh-sứ sang nhà minh tạ về việc sách phong. Làm quan đến Lễ-bộ tả-thị-lang *Đăng khoa bị khảo* quyển Sơn-nam, tờ 35 a).

(Còn nữa)

Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

Đại-nam dật-sự

(Tiếp theo trang 8)

trốn ở trong mọi rợ. Sách *Annam chí-nguyên*, quyển 2, trang 112, cũng là sách Tàu, chép vua Lý Bí chết, chứ không phải bị chém). Từ năm 547, tất cả xứ miền dưới Bắc-kỳ và phía bắc Trung-kỳ, Tàu lại chiếm lại, và người anh Lý Bí là Lý Tiên-Bảo, tuy có đánh được ở đứa-châu, nhưng không được bao lâu lại thua ở Ái-châu và phải trốn » (dịch trong *Etudes d'histoire d'Annam* của ông Henri Maspero bài *La dynastie des Li antérieurs* trang 20-22).

Ông Henri Maspero lại nói sử Tàu không công-nhận có « nhà Tiền-Lý » : cái đó đã cố-nhiên vì đến ngay đời Đinh (968 - 980), đời Lê (980-1009) nước ta đã bắt đầu độc-lập, mà sử Tàu cũng không chịu chép làm một đời vua ; nhà Tống lại phong cho vua Đinh tiên-hoàng (969-979) làm « Giao-chỉ quận-vương », coi nước ta bấy giờ cũng như một quận của Tàu !

Nhưng dù sao, ta cũng có thể gọi chung vua Lý Bí, Lý Đào-Lang và Lý Phật-tử là « nhà Tiền-Lý » (544 602). Vua Tự-đức phê vào bộ *Khâm-định Việt sử* (quyển 4, tờ 7 a-b) mấy câu rằng : « Vua Lý-Nam đế, tuy sức không địch nổi, đến nỗi việc không thành, nhưng đã biết nhân cơ-hội mà phấn khởi, tự xưng đế nước mình, đủ làm « tiên-thanh » (tiếng trước) cho nhà Đinh nhà Lý, hà chẳng vẻ-vang lắm thay ? » Tập *Ngự-chế Việt-sử tổng-vịnh* (quyển 1, tờ 10 a) vịnh riêng vua Lý Nam đế làm một bài như sau này :

Nam chinh bắc cự dục kinh-luân
Thảo-mộc qui-mô tạm tế truân
Điền-triệt phong ba thâm dạ khởi.
Không kỳ thế-tộ vạn thiên xuân

Nghĩa là đánh nam chống bắc muốn sửa-sang, dựng qui-mô khi loạn lạc tạm được yên chẳng may sóng gió hồ Điền-triệt đêm khuya nổi lên, còn mong gì ngôi vua được muôn nghìn năm !

Nhưng dù không được, cũng có công đắp nền độc lập cho nước ta. Bởi vậy nước ta hàn năm phải có ngày làm lễ kỷ niệm

(Còn nữa)

Ứng hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

Mừng cháu lấy vợ

MIỄU :

Nhà lan mở tiệc đoàn-viên.
Chữ tình càng mặn, chữ duyên càng nồng ;
May thay giải cấu tương-phùng,
Trăm năm tạc một chữ đồng đến xương.

NÓI :

Sinh nam nguyện hữu thất,
Mừng anh nay cầm sắt đoàn-viên ;
Khách phong-lưu dạn-díu chữ duyên,
Ước giai-lão bách niên từ đây nhỉ ?
Bốn chục thung huyên thêm vẻ mị,
Một nhà mai trúc đượm mầu xuân.
Cho hay tài-tử giai-nhân,
Tình cầm sắt, nghĩa Châu, Trần là thế thế,
Chuốc chén rượu mừng vui xiết kể,
Chúc rồi ra tay bế tay bồng !
Trăm năm vẹn chữ « xướng, tòng »...

Nhật-Nham TRỊNH-NHƯ-TẤU

Du ký

THIÊN-Y-A-NA

Số 2

Mãn-khánh DƯƠNG-KỲ

Người Chàm kể. — Pô Ino Nogar, lại cỏ tên là Muk juk (Bà Đen) là vị nữ thần tối-linh của người Chàm, do mây và bọt biển sinh ra. Nữ thần có 97 người chồng tựu-trung thần Pô Yan Am5 là nổi danh hơn hết. Từng ấy vị phu quân đã cho nữ thần 38 người con gái. Lẽ tất nhiên các cô nầy cũng đều thành thần cả; hiện nay người Chàm còn thờ 3 cô : Pô Nogar Dara và Tara Nai Anaih (Phan-rang), Pô Bja Tikuh (Phan-thiết).

Bà Ino Nogar đã sáng tạo ra đất, gỗ quý, cỏ cây và lúa. Trời thích mùi thơm ngào-ngạt của chẹn lúa trộn với mùi trầm. Để cúng Trời, bà cho bay lên không một hạt lúa có cánh và trắng như mây. Vua Trời liền vãi hạt lúa ấy thì sinh ra tất cả các thứ lúa. Người Chàm nhớ ơn nên lập đền thờ tại Yja-tran (Nha-trang) và đặt bài kinh nầy để cúng :

« Đời xưa ngài Pô Nogar xuống trần. Ngài sáng-tạo ra đất, trầm và lúa. Trầm cũng gỗ linan (một thứ trầm) là ở Ngài phát ra. Chung-quanh Ngài sực-nức mùi hương lúa ngọt-ngào. Chính Ngài đã làm hoạt-động cây bồ-đề linh-thiêng. Kẻ nào sắp-sửa têm miếng trầu, hoặc ngửi mùi hương của một nạm lúa thì phải dâng quả cúng Ngài » (1).

***

So sánh hai chuyện trên kia, tuy khác nhau rất nhiều nhưng ta cũng có thể nhận thấy các chỗ nầy giống nhau tỏ ra rằng hai dân-tộc Chiêm Việt đều thờ một nữ-thần :

1·) Tên : Chữ Chàm Yno Nogar viết ra chữ Hán thành Thiên Y A Na.

2·) Cây trầm : Người An-nam nói nữ-thần biến vào cây trầm, người Hời lại bảo trầm ở nữ thần phát ra. Có lẽ ý cả hai bên đều muốn nói bà là cây trầm. Trong quan-niệm của dân tộc ta cũng như của dân-tộc Hời, cây-cối núi non đất đá đều là thần.

3·) Có công với dân vùng Nha-trang : Người minh nói :

« *Phương dân khi ấy dù đông,*
Ăn làm rạch-rõi còn không tỏ-tường.
Chúa tiên lại dủ lòng thương
Dạy phương sinh-lý bảo đường lễ-nghi. »

Người Chàm lại bảo rằng : Ngài sáng-tạo ra đất, cây-cối, lúa, trầm. Ý nói rằng nữ-thần đã dạy dân trồng-trọt, đã có công giúp một dân-tộc còn ở thời-kỳ du-mục biết nghề canh-nông.

Như thế thì có lẽ Thiên-Y-A-Na chỉ là một người Hời, có quyền thế và có luôn cả lòng tốt, sáng kiến, dạy dân Hời cách cày-cấy, trồng trọt. Cảm ơn ấy, dân Hời lập đền thờ. Rồi lâu ngày, nhất là ở xã hội Hời những chuyện huyền-hoặc thêm-thắt vào mà biến thành chuyện kỳ-dị trên kia.

Một điều làm cho ta phải suy-nghĩ là pho tượng rất đẹp hiện người Chàm để thờ tại đền Pô-Nagar, chính là tượng của Uma, nữ-thần Ấn-độ troug đạo Bà-la-môn. Tạo sao vậy ? Có lẽ vì người Chàm ngờ-nghệch chăng ? Hay đó là một cách phản-động buồn-cười của công chúng Chàm trước ảnh-hưởng của văn-minh Ấn-độ ?

Vả chăng, như trong một số báo trước chúng tôi đã nói (2), văn-minh Ấn-độ hình như chỉ phủ một lớp vỏ mỏng trên quần chúng Chiêm-thành thôn Thành thử, sau khi giải-cấp văn-minh đã đặt tượng Uma lên tháp, quần chúng ngu-dốt đến đó thờ cúng vẫn tưởng là nữ-thần bản xứ Pô-Yoo Nogar. Chẳng bao lâu vì bị chiến bại luôn-luôn, giai cấp thượng lưu văn-minh ấy tiêu mòn gần hết, chỉ còn lại quần chúng ngờ nghệch sống vật sống vờ thì lấy ai mà bảo cho họ đó là tượng nữ thần Uma. Huống chi điều đó đối với họ cũng không quan hệ mấy, miễn có thần cho họ thờ cúng là đủ rồi.

Trình-độ quần-chúng Chàm hèn-kém như thế ; nhưng nếu xét cho kỹ, thì thấy dù đến ngày nay, quần chúng ta cũng chưa hơn họ bao nhiêu : chính ngay tại điện Hòn-chén, khi các thiện-nam tín-nữ đến cúng lạy nữ thần Thiên-Y-A-Na mà lại xuýt xoa khấn vái Phật hay bà Liễu-hạnh !

***

Chung đụng với người Chàm hơn 10 thế-kỷ, những cái hay của họ, nhất là về mỹ-thuật (kiến-trúc, điêu-khắc) thì ta không bắt chước bao-lam, mà tại sao lại sẵn-sàng theo các tín-ngưỡng nhảm-nhí của họ như việc thờ cúng bà Thiên Y-A Na nầy ?

Đó là vì ta đã có cái mầm của các tín-ngưỡng nhảm-nhí ấy rồi! Thực vậy, quần-chúng Việt-nam còn ở thời-kỳ tin thần, quỷ, tin thuyết linh-hồn (animisme). Họ còn thờ cúng những thiên-nhiên lực, và cho mỗi sức mạnh ấy là mỗi vị thần, cũng thương, cũng ghét cũng ăn của đủ như người vậy. Thần-thánh của họ, dù cho đến những kẻ đã sống thật trên đời nầy, đều có những sự-tích cực-kỳ hoang-đường.

Đối các tôn-giáo ở ngoài phập-cảng vào, quần chúng ta cũng chỉ mượn cái vỏ bề ngoài, chỉ hiểu theo trình-độ của mình, quan-niệm tín thần-thánh của mình, chứ không khi nào đạt đến một triết-lý cao-siêu. Chùa nào lại chả thờ Phật, nhưng họ có theo đúng đạo của Thích-ca Mâu-ni đâu? Đạo Lão ư? Dân-chúng ta chỉ lọc lại cái phần thấp nhất là các cử-chỉ lố-lăng của bọn phù-thủy. Triết-lý Khổng Mạnh? Chỉ dành riêng cho giai-cấp thượng lưu, quan-lại. Vả chăng sách xưa đã chẳng dạy như thế nầy hay sao: «Dân chỉ biết tuân theo luật, chứ không được bình-phẩm, tìm cách hiểu»?

Bị bỏ rơi, phó mặc các thần, quỷ, tà ma, dân-chúng lẽ tất-nhiên là đón những thần ngoại quốc, hợp với quan-niệm của mình, dù là thần Chàm, Tàu hay Mọi, để thờ thêm, ngõ hầu cho thỏa cái khao-khát tín-ngưỡng, thờ cúng của mình.

Nhưng thần Chàm vẫn nhiều: nào là Pô-Yan-Amo, Pô Jata, Pô Yan Dari v... v... mà tại sao là chỉ lựa có nữ-thần Thiên-Y để cúng-tế một cách đặc-biệt như thế?

Là vì chính trong số các Thần-thánh của ta đã có bà Liễu-hạnh. Chuyện bà ấy, đối với dân-chúng dễ-dàng như dân chúng Việt-nam cũng có thể bảo là gần giống như chuyện của bà Thiên-Y. Thì bà Liễu-hạnh cũng trên Trời xuống cũng có chồng con, rồi cũng lên trời, mà nhất là cũng hiển hách linh thông, cũng hiện đồng về ban phước, trừ tà (3). Từ Nam định Phố Cát bà Liễu-hạnh vào miền Trung và Nam từ Trung-kỳ đã gặp bà Thiên Y, rồi với thời gian hai bà ấy hình như đã làm một trong trí quần-chúng chất-phác, vô-học, cả quần-chúng còn tin-tưởng các thần hay thờ «chư-vị».

Còn một lý-do sâu-xa nữa là tín đồ bà Thiên-Y cũng được nhảy múa lên đồng. Cách đây chẳng xa trước khi phong trào giải phóng phụ nữ chưa có ảnh hưởng ở xứ này, tục lệ cũng như luật pháp rất nghiêm khắc với đàn bà: phụ nữ phải luôn luôn dè dặt, giữ gìn từng ly từng tý, không được đi bước nặng, không dám cười to, Luôn luôn bị kiềm chế như vậy, trong thâm tâm làm sao cho khỏi mong ước một đôi phút thoát ly, cười dỡn, để tất cả các ý muốn ngấm ngầm nhưng không kém phần bồng bột của đàn bà được phát triển tự nhiên. Thì đã có những nơi rất thuận tiện: đó là các đền chùa am miếu, là những chỗ luật pháp cũng như tục lệ không cấm họ tới lui. Thôi thì tha hồ, công nhiên làm dỏm: đeo hoa tai, chít khăn lóe loè, mặc áo mớ, thắt giây điều, đánh phấn, soi gương. Những điệu múa ăn nhịp với âm nhạc trầm bổng là cơ hội để cho họ được thỏa thích về xác thịt, những cái liếc mắt dài, những chuỗi hét the thé, những cái uốn éo để phô những đường cong của thân thể nõn nà: đều là những điều rất cấm đối với một người đàn bà biết giữ «dung ngôn hạnh».

Một nữ thần hay nhiều điều thích như thế thì trách gì hồi xưa và họ đến ngày nay (!), dân ta, nhất là trong đám phụ nữ không nô nức sùng bái.

***

Đến thế kỷ thứ 20 nầy, trong lúc nam châu khói lửa, các nước đua tranh, mà dân ta, vốn đã tự-phụ có cái văn-hiến mấy nghìn năm (!) còn có người rủ nhau vất bạc trăm bạc nghìn để tin thần lạy quỷ, cúng mượn, thờ vay như thế, thì ta cũng nên theo Cụ Phan-thanh Giản mà nhận rằng đó là một điều kỳ, một điều tối kỳ tối thương-tâm vậy.

(Hết)

Mãn khánh DƯƠNG-KỲ

1) Muốn rõ thêm xin xem «Nouvelles recherches sur les Chams» của Cabaton.

2) Tri tân số 93.

3) Xin kể sơ qua chuyện bà Liễu-hạnh để bạn đọc tiện bề so-sánh với bà Thiên-Y:

Nguyên bà là Công chúa Quỳnh-nương ở trên Trời. Trong lúc hầu một bữa tiệc trên ấy, bà vô ý đánh rơi làm vỡ một chén bằng ngọc. Vua Trời giận đày bà xuống trần.

Vào năm Thiên-hựu nhà Lê (1557 bà giáng sinh làm cơn ông Lê thái Công, người vùng An-thái Vân cat, huyện Thiên-bản tỉnh Nam-định. nhờ một thầy phù thủy cao tay đánh đồng-thiếp, Lê-thái Công biết được chuyện ấy, nên đặt cho bà tên là Giáng tiên. Lớn lên, Giáng-tiên rất

Muốn làm giàu mua vé số
Dông Phap
1p·00 một vé

đẹp, giỏi văn-chương, âm-nhạc. Sau kết duyên với Đào lang, con nuôi ông Trần Công. Nguyên 20 năm trước, Trần-công đi giạo chơi, gặp một hài-nhi bị bỏ dưới cây đào, liền đem về nuôi nấng và đặt cho tên là Đào lang. Lấy Đào-lang, sinh được một trai thì vua hết hạn bị đày, Giáng-tiên lại lên Trời. Nhưng tuy ở đây sung-sướng Giáng-tiên vẫn nhớ mùi trần-tục, liền xin vua trời cho xuống lại trần. Vua Trời chuẩn nhận đặt cho là Liễu-hạnh Công-chúa.

Gặp lại Đào-lang, tiên-nữ cho chàng hay rằng kiếp trước chàng là một ngôi sao chầu trên Trời (Đế sở Hoàng tào), và cuộc tình-duyên của nàng và chàng tuy đứt đoạn, nhưng đến 20 năm nữa hai người sẽ lại lấy nhau. Nói xong Liễu-hạnh Công-chúa bay lên mây, rồi từ đó ngao du khắp thiên-hạ, từ Lạng-sơn đến Hồ-Tây, ngõ Hòe-nhai, bến Đông-tân, chùa Báo-quốc, lầu Hoàng-đình. Trong lúc ấy Đào-lang buồn rầu, chết.

Hai mươi năm sau,. Đào lang đội lốt một người học trò trai trẻ ở Sóc-hương (Nghệ-an). Liễu-hạnh Công-chúa lại lấy chàng và sinh được một trai. Thấy chồng chỉ thích làm thơ, Liễu-hạnh Công chúa khuyên chàng nên học để đi thi. Chàng vâng lời, sau thi đậu được làm quan Hàn-lâm.

Nhưng một hôm kia, Liễu-hạnh đem chuyện thực kể cho chồng, rồi bay lên Trời. Đào-lang buồn rầu, bỏ quan lui về Sóc-hương.

Từ đấy Liễu-hạnh Công-chúa hiển hách lạ lùng, đến Phố-Cát (Thanh-hóa) giúp người ngay trừ kẻ ác. Nhân dân lập đền thờ. Vua cho là việc dị-đoan sai binh đến đuổi. Bà giận, rải bệnh dịch xuống giết cả súc vật lẫn người. Nhân-dân khiếp sợ kéo nhau đến tâu lên vua. Vua liền phong cho bà làm « Mã-Cái Công-chúa ». Sau vì có công giúp vua dẹp loạn, được phong làm « Chế Thắng Hòa Diện Đại Vương ». Vua Triệu Trị phong làm « Thượng Đẳng Thần.

TRI-TÂN tăng giá

kể từ 1er Janvier 1944

Cùng các bạn đọc thân yêu,

Tri Tân tạp chí ra đời đã được ba năm. Trên con đường tự vạch dù gặp nhiều nỗi khó khăn chúng tôi bao giờ cũng cố gắng mong cho tờ báo được ngày thêm tiến để khỏi phụ lòng tin cậy của các bạn đọc thân yêu trong 5 xứ.

Noi theo con đường sử học và văn học, chúng tôi nhiều khi đã lấy làm cảm kích trước những lời khuyến khích của các bạn quá yêu đã ban cho.

Đồng nhân Tri Tân chúng tôi đã cố gắng chịu hy sinh mọi sự thiệt thòi, để đáp lại mối thịnh tình của các bạn xa gần.

Song sự hy sinh của chúng tôi dầu không bờ bến nhưng mực tiền tài của chúng tôi không phải là kho vô tận. Trước giá giấy tăng và các vật liệu để in báo cũng đều theo mực đó mà đắt một cách vô ngần, chúng tôi bất đắc dĩ phải xin phép các bạn đọc nhấc giá báo lên để cho Tri Tân chúng tôi đỡ thiệt thòi.

Vậy kể từ **1er Janvier 1944** giá báo sẽ là :

Mỗi số	**0$40**
Một năm	**18.00**
Sáu tháng	**9.50**
Ba tháng	**5.00**

Tuy vậy, đối với các bạn đọc cũ và mới, chúng tôi xin kính tặng một giá đặc biệt.

Bạn nào vẫn lưu tâm ủng hộ cho tờ Tri-Tân mà trả tiền **trước ngày 31 Décembre 1943** xin tính theo giá cũ là :

Một năm	**12$00**
Sáu tháng	**6.50**
Ba tháng	**3.50**

Xin các bạn đọc chiếu tình cho sự khó khăn hiện thời mà lượng cho sự tăng giá đó. Tri-Tân chúng tôi xin cảm tạ.

TRI-TÂN

Tùy hứng

Qua Giục-thúy Sơn

Ba dải sông vây núi một dèo ;
Chùa cao, quán thấp, lối cheo-leo...
Đau lòng tang hải vàng trơ nét !
Chán mặt phong trần đá phủ meo !
Rừng ngủ lâng lâng gương nước lắng,
Cành ru lả lả ngọn lau rèo.
Nắng loang trên nước, thuyền trên nắng,
Rung động lòng mây mỗi dịp chèo...

VÂN-ĐÀI

Đền vua Thục

Liếc mắt vời trông muôn dặm thu,
Bao-la bốn mặt kéo sương mù.
Lá vàng reo gió sầu vô-hạn,
Ngọn suối bên đường lệ chửa khô.

Thương thay hờ-hững chút binh-cơ,
Nước mất, nhà tan, lúc bấy giờ !
Cuốc gọi năm canh nghe khắc-khoải,
Ánh trăng lai-láng bến sông xưa !

Loa-thành ngày trước bây giờ đâu ?
Trông lại tam-giang nổi sóng sầu.
Thành bại là cơ trời đã định,
Áo ta ướt thấm mấy giòng châu !

Chuốc rượu nằm say trước gió thu,
Đêm nay riêng để một ta sầu !
Người qua đừng nhắc triều vua trước,
Ta đã quên rồi, đâu biết đâu ?

LAM GIANG

Đền đức Trần Hưng Đạo

Giời Nam, đất Bắc, tiếng anh-hùng,
Thao lược, so vào bậc Thái-công.
Sát Thát, hết lòng vì xã tắc ;
Cầm Hồ, tỏ mặt với non sông.
Lửa, hương Vạn-kiếp dân cầu phúc ;
Bia, sử Trùng-hưng, nước chép công.
Tưởng tượng uy thần bao đặng thấy ?
Bạch-đằng lênh láng tấm gương trong !

LÃNG-NGÂM-TỬ

Đêm đông

Ngoài hiên thánh-thót hạt mưa sa,
Bên gối côn-trùng giọng thiết tha.
Vi-vút tàu tiêu reo trước gió,
Rì-rào lá liễu rụng quanh nhà.
Mấy phen sương-tuyết lòng không nản,
Bao thuở phong-trần chí vững ra.
Chợt ngẩng nhìn giời chưa thấy sáng,
Đêm sao đằng đẳng thế ru mà !

VÂN-THẠCH

Trăng lặn

Trăng nặng treo đầu tre uốn cong,
Sương mờ mờ nhẹ mấy cành thông.
Những thôn xa vắng vừa khua dậy :
Ngộp ánh trăng tà, chó sủa không.

ĐÌNH PHÁT

TIỂU THUYẾT LỊCH-SỬ

CHÁY CUNG CHƯƠNG HỒ

Số 10

CHU-THIÊN

Trong khi lính thị-vệ dâng trà, ngài vẫn vui-vẻ niềm nở nói :

— ... Tối qua khuya ta mới về, thấy nói các con sang chơi, ta mừng lắm. Nhưng ta đồ rằng đường xa đi mệt, nên ta không muốn sang quấy giấc ngủ của các con, Kim-Vân có đưa ta bức thư của Đoàn đại-vương. Xem xong thư, ta cảm động quá. Thày con trách ta rất thành thực tha thiết, lắm chỗ khiến ta phải rưng-rưng nước mắt, mà mừng có người bạn ngay thẳng khẳng-khái như vậy. Có phải là bạn chí thân chí tình thì mới chỉ trích thẳng nhau như vậy... Ta chỉ tiếc thày con ở xa ta, mà lúc này kẻ không ưa ta thì nhiều, nên họ thêu dệt đồn đại ra lắm chuyện, làm cho thày con hiểu nhầm ta. Chứ thực ta có phải đê tiện như thế đâu... Nguyễn-Nộn ngừng-lại, mời ba người uống nước, rồi cười hỏi tiếp Đoàn Văn :

— Chắc thày con tức giận ta lắm nhỉ ?

Bị hỏi bất ngờ, giữa lúc đương mải lắng nghe lời nói âu yếm như lời từ-huấn, chàng ngập-ngừng rồi mới đáp được :

— Tâu Điện-hạ...

Nguyễn-Nộn vội gạt phắt :

— Ấy đừng gọi thế nó xa-xôi cách bậc ra, cứ gọi thẳng ngay như trước : « Bác .. bác »...

Đoàn Văn sượng sùng cố giữ vẻ bình-tĩnh tiếp :

— Dạ, thưa... thưa bác, cứ kể tình đối với nhau, thì thày cháu không bao giờ giận bác, nhưng kể về việc nghĩa, thấy bác đi ưng thuận kết thân với kẻ thù, tức thành ra kẻ thù rồi, lẽ tất nhiên là thày cháu phải giận và muốn ra tay một mình trừ cả kẻ thù. Nhưng vì nghĩ đến tình xưa nghĩa cũ, thày cháu không im lặng mà cự tuyệt, nên mới có thư này độ sang hầu bác...

Nguyễn nộn cười lớn, nói :

— Ta biết mà. Thày con chỉ nghe người ta nói.

Nhưng Thịnh-nguyên cướp lời ngay :

— Tâu Điện-hạ, không ạ. Đại-vương tôi sở dĩ phải sai đệ thư lại Điện-hạ, là vì thấy Điện-hạ nghe theo lời Trần Thủ-Độ, đi trái với hạnh-phúc muôn dân chứ không phải Đại-vương tôi nghe theo ai cả. Đối với lòng ngay thẳng của Đại-vương tôi tỏ sáng như mặt giời, cái mưu-mô mập-mờ của Điện-hạ càng dễ cho người ta nghi ngờ lắm. Vậy có nhầm ra chăng nữa, la lỗi tại Điện-hạ, chứ không phải tại Đại-vương tôi.

Nguyễn-Nộn có vẻ không bằng lòng, hỏi lại :

— Sao lại tại ta ?

Đoàn-Văn sợ làm mếch lòng Nguyễn-vương liền đỡ lời :

— Dạ, bẩm bác, công-tử đây theo ý thày cháu mà thưa với bác như vậy. Bởi vì bác dụng mưu trong công việc này mà bác không báo cho thày cháu biết, thì chả phải tại bác là gì ? Vả, bác nói vậy thì chúng cháu tin vậy, chứ đã có bằng cớ gì chắc chắn rõ-rệt mà bảo người ta khỏi ngờ sao được ?

Nguyễn-Nộn ngồi gật gù ngẫm-nghĩ một lúc rồi cười nói :

— Sao lại không có bằng cớ ? Ý định của ta, chắc Kim-Vân đã nói rõ với các con rồi, nên các con mới vặn đến bằng chứng. Thì này nhé : Ta sở dĩ ưng thuận lời Trần Thủ-Độ là muốn dùng cái kế « dĩ Tần công Tần » đó thôi, chứ có phải ham gì sắc, thiết gì lợi. Cho nên, mới cưới về xong, mà ta cũng bỏ mặc ngay đấy, đi bàn việc riêng với các bạn đồng-

Dạy học thuốc và chuyên chữa nội-khoa
theo thể-thức
ĐÔNG-PHƯƠNG
chỉ có :
Thượng-Đức
15 mission Hanoi — Tél. 1639
đã được tin-nhiệm hoàn toàn

chỉ ở tận nơi xa, đó là một. Hai nữa, cô dâu mới về chực dùng miệng lưỡi ngon-ngọt dỏ la ý-tứ ta, ta cũng ư hữ qua loa, để che mặt, rồi vẫn giốt riêng ra một căn phòng cách biệt, giao cho bọn thị nữ tâm phúc hầu hạ, chứ có được biết một tí gì về việc dùng binh của ta đâu. Điều thứ ba nữa, mà là điều quan-trọng nhất, ấy là ta sắp sửa tiến đánh họ Trần. Ai cũng biết rằng họ Trần làm thân với ta không phải thực bụng. Họ chỉ lợi dụng mình và muốn đem sắc đẹp vào mê hoặc mình hay ít ra cũng là để dò xét được ít nhiều tình-hình bên mình... Nay nhân lúc họ đương hí hửng mừng thầm ta cử binh đánh luôn cho họ giở tay không kịp... Để ta viết thư xin lỗi với thày con và hẹn thày con cùng ngày cất quân.... Chắc thày con không nỡ giận nữa, có phải không các con ?

Nguyễn-Nộn nói một hơi bồng-bột và cứng cỏi lại có vẻ thành-thực quả-quyết. Mấy người ngồi nghe đều ra chiều xiêu-xiêu cảm phục, và nghe thấy hỏi, công-tử Thịnh-nguyên liền đỡ Đoàn-Văn đáp ngay :

— Tâu Điện-hạ, Điện-hạ nghĩ được chu đáo như vậy thật là đại phúc cho trăm họ. Đại-vương tôi tất sẽ bội phần cảm kích và phấn khởi vì cái mưu sâu-sắc của Điện-hạ...

Mỉm cười đắc thắng, Nguyễn-Nộn liến-thoảng ngắt :

— Ta sẽ viết thư ngay, các con chỉ còn đủ thì giờ đi xem qua dinh trại ta xét tình hình binh-bị và ngẫm nghĩ xem lời ta nói có đúng không. Để ta bảo Kim-Vân nó đưa các con đi chơi.

Ai nấy đều lộ vẻ hoan lạc, vội cùng đáp :

— Lũ tiểu-tướng chỉ cầu được thư phúc đáp ngay. Còn đi chơi hay không, cái đó không cần lắm. Lũ tiểu-tướng tin ở lời Điện-hạ là đủ.

(Còn nữa)

CHU-THIÊN

學醫來函

Muốn nghiên-cứu khoa thuốc á-đông, nên mua ngay :

Sách thuốc Việt-Nam. .	3$50
Tính các vị thuốc. . .	3 00
Khoa thuốc xứ nóng. .	2 00
Khoa chữa phổi . . .	1 00
Khoa chữa mắt. . . .	1 00
Khoa chữa trẻ con. . .	0 80
Ngoại khoa.	1 00
Sinh lý học.	1 00

cước quyển lớn 0$69, nhỏ 0$30.

Hỏi : *M. Nguyễn-xuân-Dương Lạc long 22 Tientsin Hanoi.*

XƯỚNG CA VÔ LOẠI !

— *Nghề ca hát có phải là một nghề vô loại không ?*

— *Đó là một câu hỏi mà từ trước tới nay phần đông vẫn trả lời một cách rất mập mờ.*

— *Vậy xin các ngài hãy đọc cuốn :*

SỰ-TÍCH VÀ NGHỆ-THUẬT

HÁT-BỘ

Giấy ngót 400 trang và 13 bức vẽ

của ông Đoàn-Nồng giáo sư trường Khải Định Huế, thì các ngài sẽ thấy Hát Bộ của ta là một nghề cao quí, đầy ý nghĩa, kiêm văn chương và mỹ thuật. Không những thế cuốn sách này còn mang lại cho chúng ta những cái tinh-hoa về văn hóa cũ của tiền nhân chúng ta để lại. Vì trong cuốn này, ngoài việc nghiên-cứu, tác-giả còn kể lại cốt chuyện và sao lục nguyên văn các vở tuồng hay. Đọc cuốn này các ngài sẽ phân biệt được các điệu hát và sẽ nhận ngay ra đúng hay sai điệu khi nghe đào kép mần tuồng.

Mỗi cuốn 3$00 thêm cước 0$47

Loại đặc-biệt 6$ thêm cước 0$47

Thư và ngân phiếu gửi về :

Nhà in Mai-Lĩnh Hanoi

MỘT BỘ SÁCH :

Cổ nhất Đông-Phương !

lạ nhất nhân - loại !

Nguồn gốc chỉ là một cái gạch ngang, rồi qua tay 4 vị Thánh nhân, cái gạch ngang ấy diễn thành một pho sách cực kỳ hùng-vĩ. Đó là bộ :

KINH DỊCH

mà người Việt-nam ta có lẽ không mấy người là không nghe thấy tên, nhưng chắc ít người biết rõ nội dung ra sao.

KINH DỊCH

là một bộ sách đã xuất-hiện trên một vạn năm, mà mấy trăm học-giả phương Đông theo gót nhau nghiên-cứu và chú-giải đến hai nghìn năm nay vẫn chưa hết nghĩa.

KINH DỊCH

thật là một pho sách uyên-thâm, huyền-diệu, bao quát tất cả các lẽ trong vũ trụ.

Các bài thơ và kinh có in nguyên văn chữ Hán

Toàn bộ giấy trên dưới 2000 trang in luôn một lúc đóng làm 5 quyển

Sách đã bắt đầu in nhưng không bán lẻ từng cuốn

Sách in làm 3 hạng :

Đóng giấy thường	sẽ bán từ	20$00
Đóng lụa Đỏ	(đựng hộp bọc lụa)	50. 0
Hàng Bạch Minh châu	(đựng hộp gấm)	150.00

Thêm cước gửi ngoài

Thư và ngân phiếu xin gửi về

Nhà in MAI-LĨNH Hanoi

ĐÃ XUẤT BẢN

Một giai-phẩm của thư-xã ALEXANDRE DE RHODES

TRUYỆN TRẺ-CON *của* **PERRAULT**

Pháp-văn và Việt-văn đối-chiếu bản dịch của ông NGUYỄN-VĂN-VĨNH bìa 4 màu của họa-sĩ MẠNH-QUỲNH 140 trang khổ lớn album 22×32 toàn tranh ảnh

... hơn 300 năm nay, những chuyện thần-tiên bất-hủ như : « *con Lọ-Lem, con yêu Râu-Xanh, thằng bé Tí-Hon, Hoàng-tử có bờm* » v. v... đã làm vui buồn mừng giận bao nhiêu trẻ em trên thế-giới.

Thư-xp Alexandre de Rhodes, đã cho in lại bản dịch tuyệt-khéo của ông NG.-VĂN-VĨNH, kèm thêm nguyên-văn là một áng văn trong-trẻo kiệt-tác nhất nước Pháp.

Bản thường	2$50	(cước 0$60)
Bản giấy Đại-La	12$00	(— 1,20)

Tổng phát hành
MAI-LĨNH
21, Rue des Pipes — Hanoi

Sách của

Nhật-Nham TRỊNH-NHƯ-TẦU

I — Đã xuất-bản :

A) Đã được Hội-Đồng duyệt sách cho dùng trong các Học-Đường Đông Pháp :
1) Trịnh-gia Chinh Phả (in lần thứ hai) hết
2) Hưng yên địa-chí —
3) Gương Luân-Lý —
4) Bắc giang địa-chí dầy 284 trang, có bản đồ phụ đính Giá cũ 1$05
B) 5) Vị tiền hết
6) Hoa xưa ong cũ Giá cũ 0$30
7) Từ Hanoi đến Hồ Ba Bể (du-ký) *2$00*

« Hồ này từ đời Lê, đời Mạc tới nay, có bao « nhiêu anh-hùng lưu dấu vết, có bao nhiêu danh-« sĩ đăng-lâm, mà có du-ký như ông nay mới thấy « là một ! Ông chẳng những chép phong cảnh và « lịch-sử Ba Hồ, mà lại kể cả cuộc hành-trình-« đi đến đâu cũng để mắt quan-sát : nào là nhân, « tình phong-tục, nào là công cuộc mở mang của « đời xưa và hiện-thời, thực có ích cho nhà khảo-« cứu, có thể làm kim chỉ-nam dẫn lối cho nhà « du lịch sau này. »

« Du-ký này có giá-trị lắm thay ! »

Trích bài tựa của cụ Phó-bảng Nông-sơn Nguyễn-can-Mộng

II — sắp xuất-bản :

Uyên-Hải Tử-Bình ; — Ngàn treo Đanh thuyền Đình Sơn ; — Bắc-ninh địa-chí.

— Xin viết thơ cho :
Nhật-nham Trịnh-như-Tau, Tham-tá phủ Thống-sứ Bắc-kỳ hay Biên-tập-viên Tạp-chí Tri-Tân
95-97 Rue Chanceaulme hanoi

HÃY ĐÓN COI :

QUANG-TRUNG

của HOA-BẰNG

— Nước Pháp có **Nã-phá-Luân** đã từng làm rung động hoàn cầu trong một thời.

— Nước ta cũng có vua **Quang Trung** đã sống những giờ oanh liệt mà làm rạng vẻ non sông đất Việt.

— Chúng ta là người Việt-nam, vậy chúng ta cần phải đọc lịch sử bực đại anh hùng đó để ôn lại những hành vi xuất chúng của ngài.

— Cuốn lịch sử kỳ sự **Quang-Trung** của *Hoa-Bằng* viết rất công phu. Ngoài những tài liệu thu nhặt trong các sách nho và sách pháp, có ấn và tiền về thời vua Quang Trung và có cả hai bản đồ vẽ rõ chiến lược của ngài.

— Sách in có hạn. Các bạn đọc muốn mua xin viết thư nhận trước.

TỦ SÁCH « TÂN VĂN HÓA »
HÀN THUYÊN XUẤT BẢN

mới có bán :

Thân thế và sự nghiệp
LÊ THÁNH TÔN
CHU THIÊN khảo cứu

Đời vua Lê Thánh Tôn là một đời thịnh-trị vào bậc nhất trong lịch sử nước Việt-nam ta. Ai muốn biết nội dung bộ Luật Hồng Đức, sự tổ chức viên hàn làm TAO ĐÀN do Lê Thánh-Tôn sáng lập và chủ tịch, ảnh hưởng của đời ấy đến tâm hồn Việt nam — không thể bỏ qua được quyển sách này.

Giá 3$00

ĐÃ XUẤT BẢN

LUẬN LÝ THỰC NGHIỆP
của LÊ VĂN-SIÊU

TRIẾT HỌC LÀ GÌ ?
của NGHIÊM-TỬ

HÀN THUYÊN : *71 Tien tsin Hanoi*

REVUE TRI-TAN : Autorisée par arrêté du 8 Février 1941 de M. Le Gouverneur Général

Directeur gérant : Nguyễn-Tường-Phượng

Imp. Tri-Tân 95—97 Chanceaulme, Hanoi